

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG HOÀ CẨM

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 330307008 do Phòng đăng ký kinh doanh –  
Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 24/12/2001,  
thay đổi lần thứ 8, ngày 03 tháng 7 năm 2007)

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

## TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số: ... /ĐKNY do..... cấp ngày ... tháng ... năm ...)

*Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:*

|  |                         |
|--|-------------------------|
| Chi nhánh:                                     | Điện thoại:             |
| Công ty Cổ Phần Bê Tông Hoà Cẩm tại Đà Nẵng    | 0511.672516/ 675155     |
| Hòa Thọ Tây - quận Cẩm Lệ - TP Đà Nẵng         | Fax: 0511.672516        |
| Trụ sở chính:                                  | Điện thoại:             |
| Công ty Cổ Phần Bê Tông Hoà Cẩm                | 0510. 852811            |
| Đường Phan Bội Châu -TP Tam Kỳ -tỉnh Quảng Nam | Fax: 0510.852811        |
| Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Đà Nẵng            | Điện thoại: 0511-888456 |
| 102 Nguyễn Thị Minh Khai – TP Đà Nẵng          | Fax: 0511-888459        |

*Phụ trách công bố thông tin:*

|         |                 |                     |
|---------|-----------------|---------------------|
| Họ tên: | Thái Ngọc Quang | Điện thoại:         |
|         |                 | 0511.672516/ 675155 |
|         |                 | Fax: 0511.672516    |

# CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG HOÀ CẨM

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 330307008 do Phòng đăng ký kinh doanh -  
Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 24/12/2001)

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

|                               |  |
|-------------------------------|--|
| <b>Tên cổ phiếu</b>           | Cổ phiếu Công ty cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm |
| <b>Loại cổ phiếu</b>          | Cổ phiếu phổ thông                       |
| <b>Mệnh giá</b>               | 10.000 đồng/cổ phần                      |
| <b>Tổng số lượng niêm yết</b> | 1.622.802 cổ phần                        |
| <b>Tổng giá trị niêm yết</b>  | 16.228.020.000 đồng                      |

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

#### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN - AAC**

Địa chỉ: 217 Nguyễn Văn Linh - Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.655886

Fax: 0511.655887

Email: [acc@dng.vnn.vn](mailto:acc@dng.vnn.vn)

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 102 Nguyễn Thị Minh Khai – TP Đà Nẵng

Điện thoại: 0511-888456

Fax : 0511-888459

Website : [www.dnsc.com.vn](http://www.dnsc.com.vn)

#### **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ : 414 Nguyễn thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 290 8906

Fax : (08) 290 8907

## MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| 1. Rủi ro về kinh tế .....  | 4  |
| 2. Rủi ro về luật pháp .....  | 4  |
| 3. Rủi ro đặc thù .....   | 5  |
| 4. Rủi ro khác .....  | 5  |
| I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....   | 5  |
| Tổ chức niêm yết .....  | 6  |
| II. Tổ chức tư vấn .....  | 6  |
| III. CÁC KHÁI NIỆM .....  | 6  |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....  | 7  |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....   | 7  |
| 2. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty .....  | 9  |
| 3. Cơ cấu sở hữu vốn cổ phần đến ngày 30/06/2007 : .....  | 16 |
| 4. Danh sách cổ đông sáng lập: .....  | 16 |
| 5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty trở lên tại thời điểm 30/06/2007 .....   | 16 |
| 6. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký và công ty mà tổ chức đăng ký đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối. .... | 17 |
| 7. Hoạt động kinh doanh .....   | 18 |
| 8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....   | 32 |
| 9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....   | 36 |
| 10. Chính sách đối với người lao động .....   | 37 |
| 11. Chính sách cổ tức .....   | 39 |
| 12. Tình hình hoạt động tài chính .....   | 40 |
| 13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát .....  | 47 |
| 14. Tài sản .....   | 58 |
| 15. Chỉ tiêu, Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức (2007 - 2009) .....  | 59 |
| 16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....   | 63 |
| V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....   | 64 |
| 1. Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông .....  | 64 |
| 2. Mệnh giá : 10.000 đồng .....   | 64 |
| 3. Tổng số chứng khoán niêm yết : 1.622.802 cổ phần .....   | 64 |
| 4. Phương pháp tính giá .....   | 64 |
| Giá trị sổ sách một cổ phần tại ngày 31/12/2006 (mệnh giá 10.000 đồng) .....  | 64 |
| 5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài ở ngoài Việt Nam .....   | 65 |
| 6. Các loại thuế có liên quan .....   | 65 |
| 6.1 Thuế Giá trị gia tăng: .....  | 65 |
| 6.2 Thuế Thu nhập doanh nghiệp: .....   | 66 |
| 6.2.1. Đối với hoạt động sản xuất tại Trạm bê tông Chu Lai: .....   | 66 |
| 6.2.2. Đối với hoạt động sản xuất tại Trạm bê tông Hòa Cẩm: .....   | 66 |
| VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ .....  | 67 |
| VII. PHỤ LỤC .....  | 67 |

## CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Từ sau đổi mới, nền kinh tế nước ta tăng trưởng không ngừng, GDP của năm sau luôn cao hơn năm trước, và những năm gần đây, bình quân ở mức trên 7%/năm. Tốc độ tăng trưởng này kéo theo sự tăng trưởng chung của những ngành kinh tế mũi nhọn, trong đó có ngành Xây dựng. Đặc biệt, từ sau khi hội nhập AFTA, rồi WTO, làn sóng đầu tư mới đổ vào nước ta, tiếp tục thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng. Theo dự báo, tốc độ đô thị hoá bình quân ở Việt Nam vào năm 2010 sẽ là 30%, và 50% vào năm 2020. Nhu cầu nhà ở, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại cũng tăng tương ứng để đáp ứng tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế và tốc độ đô thị hoá. Nhận thấy được yêu cầu này, Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt định hướng phát triển nhà ở đến năm 2020 là: Diện tích nhà ở bình quân đầu người phải đạt mức 15 m<sup>2</sup> sàn vào năm 2010, và 20 m<sup>2</sup> sàn vào năm 2020. Quyết định này chắc chắn sẽ có tác động tích cực đến sự phát triển của ngành xây dựng nói chung và ngành cung ứng vật liệu xây dựng nói riêng.

Ở thị trường khu vực, Công ty là một trong số ít đơn vị có uy tín trong việc cung cấp bê tông phục vụ cho quá trình xây dựng, phát triển đô thị, đồng thời, cũng là đơn vị có nhiều thuận lợi, lẫn ưu thế trong cạnh tranh. Tuy nhiên, những rủi ro chung của nền kinh tế, đặc biệt là ngành xây dựng, sẽ tác động lớn đến quá trình kinh doanh và phát triển của Công ty. Như thời gian gần đây, thị trường nhà đất đóng băng, kéo theo tình trạng trì trệ của ngành xây dựng, khiến Công ty phải đối mặt với áp lực giảm giá bán sản phẩm để thu hút khách hàng, tăng cường sức cạnh tranh, do đó kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận có thể thấp hơn mức kỳ vọng.

### 2. Rủi ro về luật pháp

Trong những năm gần đây, bắt đầu giai đoạn chuẩn bị hội nhập, Quốc hội và Chính phủ đã cố gắng hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tạo sự thông thoáng ở hầu hết các lĩnh vực, đặc biệt là các thủ tục hành chính được cải thiện không ngừng, từng bước đáp ứng nhu cầu các nhà đầu tư, lẫn công chúng. Tuy nhiên, những trở ngại trong hành chính, các qui định của Luật và dưới Luật, đặc biệt là trong lĩnh vực nhà đất thì không thể một sớm, một chiều là có thể giải quyết được, cho nên, những khó khăn, vướng mắc chung vẫn còn tác động đến những chủ thể tham gia trong ngành Xây dựng.

Ngoài ra, các văn bản pháp luật liên quan đến chính sách trong xây dựng cơ bản, đất đai, phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng... thường xuyên thay đổi, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định chiến lược và kế hoạch kinh doanh.

Từ khi có Luật doanh nghiệp ra đời, các doanh nghiệp đều hoạt động trên cơ sở nền tảng của Luật này. Điều đó cho thấy rằng, bất cứ sự thay đổi nào về Pháp luật và môi trường pháp lý liên quan, cũng đều tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.

Dù chịu sự tác động chung của những hạn chế còn tồn tại trong lĩnh vực pháp lý đối với ngành xây dựng, nhưng xét trên khía cạnh phân đoạn trong quá trình tham gia hoàn tất một sản phẩm xây dựng, thì những rủi ro pháp luật trên ít ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của Công ty, hơn những chủ thể khác.

### **3. Rủi ro đặc thù**

Tốc độ phát triển nền kinh tế đất nước luôn tác động đến tốc độ tăng trưởng chung của ngành xây dựng, đặc biệt là đối với nước ta. Tuy nhiên, trong từng giai đoạn nhất định, những rủi ro không lường trước có thể xuất hiện đối với ngành xây dựng, trong khi nền kinh tế chung vẫn phát triển. Ảnh hưởng của tình trạng đóng băng trong thị trường nhà đất vừa qua là một trường hợp cụ thể.

Một đặc thù cần lưu ý trong ngành xây dựng là, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng mất rất nhiều thời gian đối với nhà thầu, kéo theo sự ảnh hưởng chung về tài chính của các nhà cung cấp nguyên vật liệu, như Công ty.

Hiện nay, nước ta có nhiều công ty bê tông hoạt động, đặc biệt, các công ty lớn ở hai miền đất nước cũng có chi nhánh hoạt động tại miền Trung, tạo ra sự cạnh tranh mới trong Ngành tại khu vực. Công ty đã xây dựng được uy tín tốt đối với khách hàng Khu vực trong thời gian qua, cho nên, việc vừa cạnh tranh, vừa bảo vệ được uy tín của mình, cũng sẽ là áp lực đối với mục tiêu tăng doanh số và lợi nhuận của Công ty.

Việc giải quyết công nợ cũng là điều đáng quan tâm đối với ngành xây dựng. Hầu hết các nhà thầu chính thường gặp khó khăn trong quá trình quản lý và thu hồi công nợ, và những khó khăn này luôn mang tính dây chuyền, làm ít nhiều tác động đến quá trình thu hồi công nợ của Công ty. Đây cũng là một khó khăn đặc thù của ngành, dù Công ty đã ngăn ngừa và rất chủ động trong việc quản lý công nợ.

### **4. Rủi ro khác**

Ngoài những rủi ro kể trên, rủi ro về lạm phát, rủi ro về lãi suất cũng ảnh hưởng rất lớn đến quá trình kinh doanh và phát triển của Công ty, bởi chu kỳ thanh toán cho mỗi công trình thường phụ thuộc vào tốc độ thi công và hoàn tất các hạng mục của nhà thầu, làm mất cơ hội khai thác vốn của Công ty, hoặc kéo theo chi phí vốn ngoài dự toán. Rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hoả hoạn, v.v... có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng mà Công ty tham gia, như làm chậm triển độ, hoặc gây thiệt hại; những rủi ro này, dù ít nhiều, nếu có, cũng đều tác động xấu đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

**Tổ chức niêm yết**

|                         |                                     |
|-------------------------|-------------------------------------|
| Ông: HỒ MINH ĐỨC        | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Ông: THÁI NGỌC QUANG    | Chức vụ: Giám đốc                   |
| Ông: NGÔ VĂN LONG       | Chức vụ: Phó Giám đốc               |
| Bà: NGUYỄN THỊ NGỌC ANH | Chức vụ: Kế toán trưởng             |
| Ông: NGUYỄN ĐÌNH        | Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát       |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

**II. Tổ chức tư vấn**

Đại diện theo pháp luật: Ông NGUYỄN NGỌC TƯỚI

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký giao dịch cổ phiếu do Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Đà Nẵng tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm cung cấp.

**III. CÁC KHÁI NIỆM**

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- TTGDCK : Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán
- Tổ chức tư vấn : Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Đà Nẵng (DNSC)
- DNSC : Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Đà Nẵng
- AAC : Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán - AAC
- Công ty : Công ty Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm
- Cổ phiếu : Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- DNNN : Doanh nghiệp nhà nước
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- HTQLCL : Hệ thống quản lý chất lượng

|         |                           |
|---------|---------------------------|
| - CSCL  | : Chính sách chất lượng   |
| - MTCL  | : Mục tiêu chất lượng     |
| - HTCL  | : Hệ thống chất lượng     |
| - TP/PP | : Trưởng phòng/ Phó phòng |
| - SXKD  | : Sản xuất kinh doanh     |
| - TSCĐ  | : Tài sản cố định         |
| - ĐKKD  | : Đăng ký kinh doanh      |
| - NVL   | : Nguyên vật liệu         |
| - KT    | : Kỹ thuật                |
| - SP    | : Sản phẩm                |
| - KH    | : Kế hoạch                |
| - HĐ    | : Hợp đồng                |
| - CL    | : Chất lượng              |
| - TT    | : Thông tin               |

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

###### 1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ Phần Bê tông Hoà Cẩm, tiền thân là Xí Nghiệp Bê tông Thương Phẩm và Đá Xây Dựng thuộc Công ty Xây Dựng Quảng Nam (Công ty Đầu tư & Xây Dựng Đô Thị Quảng Nam cũ) được thành lập từ năm 1998.

Ngày 05/12/2001 UBND tỉnh Quảng Nam đã ký Quyết định số 4700/QĐ-UB phê duyệt Phương án cổ phần hoá và chuyển Xí Nghiệp Bê tông Thương Phẩm và Đá Xây Dựng thuộc Công ty Xây Dựng Quảng Nam thành Công ty Cổ Phần.

Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần từ ngày 24/12/2001 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 330307008 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 24/12/2001.

###### 1.2 Giới thiệu về công ty

###### Tên công ty:

Tiếng Việt đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG HOÀ CẨM**

Tiếng Việt viết tắt: Bê Tông Hoà Cẩm

Tiếng Anh đầy đủ: Hoa cam concrete joint stock company

Tiếng Anh viết tắt: HCC

Logo



Vốn điều lệ : 16.228.020.000 đồng (Mười sáu tỷ hai trăm hai mươi tám triệu hai mươi ngàn đồng)  
 Trụ sở chính: Đường Phan Bội Châu - thành phố Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam  
 Điện thoại: 0510.852811  
 Fax: 0510.852811

### **Chi nhánh tại Đà Nẵng**

Địa chỉ: Hoà Thọ Tây - Quận Cẩm Lệ - TP Đà Nẵng  
 Điện thoại: 0511. 675155 - 0511.672516  
 Fax : 0511. 672516

### **Chi nhánh tại Khu Kinh tế mở Chu Lai**

Địa chỉ: Xã Tam Nghĩa - Huyện Núi Thành - Tỉnh Quảng Nam  
 Điện thoại: 0510. 853522

### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 330307008 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 24/12/2001, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh bê tông thương phẩm và các loại đá, cát xây dựng từ việc khai thác, chế biến tại mỏ đá, cát của Công ty.
- Kinh doanh các ngành nghề: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Xây dựng thủy lợi, thủy điện, các công trình giao thông; Xây dựng đường dây điện và trạm biến áp tới 35KV; Xây dựng khác.
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các loại máy móc thiết bị
- Kinh doanh nhà và đất, kinh doanh xăng dầu.

### **1.4 Các danh hiệu và thành tích mà Công ty đạt được**



1. Công ty cổ phần Bê tông Hòa Cẩm được Bộ Khoa học và Công nghệ ký Quyết định cấp giấy “Chúng nhận cho đơn vị được tặng cúp vàng ISO – chìa khóa hội nhập” theo Quyết định số 1828/QĐ – BKHCN, ngày 04/9/2007.

2. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tặng giải cầu vàng chất lượng cao phù hợp với tiêu chuẩn năm 2007.





3.



4.

3. Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh Quảng Nam tặng: Đơn vị dẫn đầu trong ngành Xây dựng năm 2006.

4. Bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2004: Thành tích xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội và bảo vệ Tổ Quốc.

## 2. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Công ty Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và theo Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty như sau:

### Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, có trách nhiệm thảo luận và phê duyệt các chủ trương chính sách đầu tư ngắn hạn và dài hạn về phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### Hội đồng quản trị: 05 thành viên

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định.

HĐQT có trách nhiệm định hướng chiến lược phát triển và phương án đầu tư của Công ty thông qua việc hoạch định các chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời kỳ phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

### Ban kiểm soát: 03 thành viên

Do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

### Ban giám đốc điều hành: Giám đốc Công ty, 02 Phó Giám đốc.

#### - Các phòng ban chuyên môn:

- **Phòng Tổ chức – Hành chính:**

- Giúp Giám đốc quản lý, điều hành và thực hiện công tác tổ chức, nhân sự, quản trị, hành chính doanh nghiệp.

- Xây dựng và trình duyệt quỹ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, các chế độ liên quan đến người lao động và người sử dụng lao động.

- Xem xét các yêu cầu bổ sung nguồn nhân lực và điều động vào các vị trí còn trống nếu phù hợp trong Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- **Phòng Kỹ thuật - Thị trường:**

- Thực hiện các chủ trương của Ban Giám đốc trong lĩnh vực Sản xuất – Kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

- Chỉ đạo và quản lý về mặt kỹ thuật, chất lượng ở các công đoạn theo quy trình sản xuất bê tông.

- Tham mưu cho Giám đốc trong công tác tổ chức và quản lý sản xuất, định mức kỹ thuật.

- Điều độ kế hoạch sản xuất trong Công ty.

- **Phòng Tài chính - Kế toán**

- Giúp giám đốc theo dõi việc thực hiện các hoạt động kinh tế - tài chính của Công ty. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước

- Quản lý hoạt động tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Nhà nước và Giám đốc về toàn bộ hoạt động tài chính của Công ty.

- **Phòng Vật tư**

- Tham gia đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp, soạn thảo Hợp đồng hoặc tham mưu cho lãnh đạo ký kết các Hợp đồng liên quan đến việc mua vật tư, trang thiết bị phục vụ thi công.

- Xây dựng kế hoạch vật tư, tham mưu cho Giám đốc trong công tác quản lý chất lượng vật tư, giá thành ...

- **Xí nghiệp Bê Tông Hoà Cẩm**

- Thực hiện việc sản xuất bê tông thương phẩm tại trạm trộn bê tông Hoà Cẩm, cung cấp cho thị trường Đà Nẵng và các vùng phụ cận.

- **Xí nghiệp Xây Dựng Đại Giang**

- Có chức năng: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông; Xây lắp đường dây điện và lưới điện 35 KV.

- Thực hiện các Hợp đồng giao khoán giữa Công ty với Xí nghiệp để thực hiện các Hợp đồng kinh tế giữa Công ty ký kết với khách hàng.

- Có trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh và quản lý kinh tế - tài chính trong phạm vi được Công ty giao; bảo toàn và phát triển vốn; bảo đảm tái sản xuất mở rộng, tạo thêm việc làm, ổn định và cải thiện đời sống người lao động; làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước và trách nhiệm đối với Công ty.

- **Xí nghiệp Bê Tông Chu Lai**

- Thực hiện việc sản xuất bê tông thương phẩm tại trạm trộn bê tông Chu Lai, cung cấp cho Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu kinh tế Dung Quất và các vùng phụ cận.

- **Các công trường**

- Trực tiếp sản xuất bê tông thương phẩm và thi công những hạng mục xây lắp tại công trường.

- **Đội xe**

- Có nhiệm vụ vận hành xe trộn và xe bơm bê tông đến tại công trình để phục vụ việc đổ bê tông đúng theo yêu cầu của khách hàng.

- Có trách nhiệm bảo quản, bảo dưỡng phương tiện vận tải nhằm đảm bảo tính linh hoạt và an toàn trong thi công.

***Trách nhiệm và quyền hạn của cán bộ quản lý:***

**1. Giám đốc:**

- Quyết định Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng.
- Đảm bảo nguồn lực để thực hiện cam kết trong CSCL và MTCL.
- Xét duyệt các văn bản của HTQLCL khi có ban hành mới hoặc khi có sửa đổi.
- Chủ trì việc “Xem xét của lãnh đạo” để cải tiến hệ thống.
- Ký các hợp đồng kinh tế, thanh lý các hợp đồng kinh tế, kế hoạch sử dụng vốn, các chứng từ thanh toán, các quyết định về công tác tổ chức nhân sự để đảm bảo cho Hệ thống hoạt động có hiệu quả, các loại công văn giấy tờ... gửi lên cấp trên và gửi đến các cơ quan đơn vị ngoài Công ty.
- Chịu trách nhiệm trước khách hàng về chất lượng của sản phẩm dịch vụ do Công ty cung cấp và là người quyết định các biện pháp giải quyết các khiếu nại của khách hàng, hành động khắc phục, hành động phòng ngừa và hoạt động cải tiến.

**2. Đại diện chất lượng:**

- Xác định cấu trúc của HTCL và đảm bảo các quá trình cần thiết được thiết lập, thực hiện và duy trì.
- Kịp thời báo cáo đến Giám đốc về kết quả hoạt động của HTCL và các cơ hội cải tiến.
- Có biện pháp cần thiết để đảm bảo thúc đẩy toàn bộ Công ty nhận thức được các yêu cầu của khách hàng.
- Giám sát diễn tiến về Hành động khắc phục, phòng ngừa và tham gia đề xuất các chương trình cải tiến.

**3. Trưởng phòng Kỹ thuật - Thị trường:**

- Xác định chiến lược thị trường, lập kế hoạch thị trường, tìm kiếm thị trường, cơ hội phát triển.
- Thu thập thông tin từ khách hàng làm cơ sở đo lường sự hài lòng của khách hàng qua sản phẩm, dịch vụ do Công ty cung cấp
- Chịu trách nhiệm điều phối và giám sát hoạt động bán hàng, cung ứng dịch vụ
- Đảm bảo các nhân viên thuộc quyền thông hiểu chính sách chất lượng và thực hiện mục tiêu chất lượng thông qua trách nhiệm quyền hạn được giao.
- Tham gia đánh giá việc thực hiện theo dõi và đo lường quá trình.
- Thu thập các thông tin về khách hàng; lập, kiểm tra hồ sơ dự thầu trình Phó Giám đốc phụ trách ký duyệt.

- Tham gia đánh giá lựa chọn thầu phụ, soạn thảo hợp đồng kinh tế về việc giao nhận thầu xây lắp công trình xây dựng.

#### **4. Phó Giám đốc I:**

- Phụ trách Phòng Kế toán tài vụ, phụ trách công nợ của Công ty.  
- Ký các văn bản trong quan hệ tín dụng với các Ngân hàng có tài khoản của Công ty, phiếu giá thanh toán, đối chiếu công nợ, các bản báo cáo kế toán thống kê theo quy định của Nhà nước, ký các văn bản khác theo sự ủy quyền của Giám đốc.

#### **5. Phó Giám đốc II:**

- Quản lý điều hành hoạt động Công ty Cổ phần Bê tông Hòa Cẩm.

#### **6. Trưởng phòng tổ chức – hành chính:**

- Xem xét các yêu cầu bổ sung nguồn nhân lực và điều động vào các vị trí còn trống nếu phù hợp trong Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- Xem xét kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện kế hoạch tuyển dụng, đào tạo được xác lập trong qui trình này.

- Xây dựng định hướng phát triển tổ chức bộ máy của Công ty, đề xuất phương án sắp xếp, tách, nhập, giải thể... các phòng ban và các đơn vị trực thuộc Công ty.

- Đề nghị việc giao nhiệm vụ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với CBCNV toàn Công ty.

- Lập qui hoạch đào tạo mới, đào tạo lại cán bộ và công nhân. Quản lý, theo dõi, giám sát, xây dựng qui chế quản lý sử dụng lao động và xây dựng kế hoạch nâng bậc lương hàng năm cho cán bộ công nhân viên, tham gia với các bộ phận liên quan giải quyết quyền lợi cho người lao động theo qui định của Pháp luật và Nhà nước.

- Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các chế độ, chính sách cho người lao động, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện, phối hợp cùng Công đoàn ký kết thoả ước tập thể với người lao động.

- Quản lý và xác nhận hồ sơ lý lịch của CBCNV .

- Quản lý và xác nhận chế độ tiền lương hàng tháng của CBCNV.

- Đề xuất thay đổi hệ số lương của Công ty.

- Soạn thảo các văn bản như: Điều lệ, Nội qui, Thoả ước lao động...

- Xây dựng và trình duyệt quỹ tiền lương, BHXH, BHYT, các chế độ liên quan đến người lao động và người sử dụng lao động.

#### **7. Trưởng phòng vật tư:**

- Chịu trách nhiệm lên kế hoạch, phân công nhiệm vụ, giám sát, điều hành cũng như báo cáo với lãnh đạo Công ty mọi hoạt động của các bộ phận chịu sự quản lý trực tiếp của phòng vật tư.

- Chịu trách nhiệm đối với những quyết định thuộc phạm vi, chức trách quản lý của mình.

- Tham gia đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp, soạn thảo hợp đồng hoặc tham mưu cho lãnh đạo ký kết các hợp đồng liên quan đến việc mua vật tư, trang thiết bị phục vụ thi công.

- Theo dõi, cập nhật và cung cấp thông tin về giá mọi chủng loại vật tư chủ yếu của từng thời điểm cho các bộ phận liên quan, phục vụ cho công tác mua hàng cũng như thanh quyết toán và đấu thầu công trình.

- Tổng hợp mọi thông tin, những vướng mắc về vật tư trong quá trình thi công các công trình, xử lý vướng mắc trong phạm vi quyền hạn của mình. Tùy trường hợp có thể phản ánh và xin ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo.

- Chịu trách nhiệm chính trong việc tổng hợp mọi thông tin liên quan đến hàng hóa nhập - xuất - tồn cũng như các trang thiết bị phục vụ thi công tại các công trình mỗi tháng một lần, báo cáo với lãnh đạo Công ty bằng văn bản.

- Lập kế hoạch và giám sát hoạt động mua hàng.
- Tổ chức đánh giá nhà cung cấp, người bán hàng cho Công ty.
- Đảm bảo chất lượng của hàng mua vào phù hợp với yêu cầu qui định.
- Xây dựng và duy trì mối quan hệ với nhà cung cấp, tạo thuận lợi cho họ trong việc nâng cao chất lượng để đảm bảo sự ổn định trong sản xuất của Công ty.
- Tham gia theo dõi và đo lường việc thực hiện quá trình.

#### **8. Trưởng phòng Tài chính - Kế toán:**

- Chịu sự lãnh đạo của người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán.
- Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, giám sát chặt chẽ công tác quản lý tài chính trong toàn đơn vị, giữ vai trò chủ đạo tham mưu đắc lực cho lãnh đạo trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo không chỉ bảo toàn được vốn mà còn phát triển thêm nguồn vốn bổ sung từ lợi nhuận. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán toàn Công ty hoạt động theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê, chịu trách nhiệm về mặt nghiệp vụ, chế độ cho các kế toán viên và kế toán các đơn vị trực thuộc.
- Báo cáo, xử lý phân tích thông tin và cung cấp kịp thời các số liệu phản ánh một cách trung thực, sát sao tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, để Ban Giám đốc nắm tình hình và có kế hoạch chỉ đạo kịp thời.
- Phát hiện và khắc phục sửa chữa kịp thời những sai sót, những quan điểm chưa phù hợp trong quản lý tài chính, quản lý vật tư, tài sản của Công ty và đề xuất hướng giải quyết phù hợp, hợp lý theo đúng qui định.
- Tổng hợp, phân tích, lập báo cáo quyết toán tài chính quý, 6 tháng, năm của toàn Công ty trình lên Ban lãnh công ty, chủ sở hữu, các cơ quan chủ quản theo dõi quản lý và điều hành.
- Đôn đốc, tích cực đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, đối chiếu công nợ, cân đối nguồn phải thu - phải trả, phân tích báo cáo tài chính để lãnh đạo Công ty nắm vững tình hình chủ động trong chỉ đạo SXKD của Công ty.

- Thực hiện nhiệm vụ trong quan hệ tín dụng với ngân hàng, thanh quyết toán thuế với cơ quan thuế, thực hiện chế độ kiểm kê tài sản theo định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết và lập báo cáo theo mẫu qui định.

- Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn cũng như kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch SXKD của Công ty; được quyền kiểm tra, giám sát về tài chính và sản xuất kinh doanh đối với các đơn vị thành viên; được quyền yêu cầu các đơn vị thành viên gửi báo cáo định kỳ hoặc bất thường, tổng hợp tham mưu đề xuất với lãnh đạo những nội dung và biện pháp trong quản lý tài chính cũng như trong hoạt động cho vay và điều phối vốn ở các đơn vị trực thuộc.

- Được tham gia đóng góp ý kiến các nội dung về tài chính, tín dụng, thanh toán, thương mại, thuế... đối với tất cả các hợp đồng, kế hoạch đề án đầu tư của đơn vị. Được tham gia hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kiểm kê, hội đồng lương, hội đồng đầu tư mua sắm và thanh lý vật tư, trang thiết bị.

- Được quyền tham gia đề xuất nhu cầu nhân sự cho bộ máy kế toán của Công ty và các đơn vị thành viên. Thực hiện quyền hạn kế toán trưởng trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm kế toán trưởng cấp dưới.

- Đề xuất với lãnh đạo Công ty việc tiếp nhận, tinh giảm hoặc điều động nhân viên trong phòng, được đề nghị khen thưởng kỷ luật phê bình đối với cán bộ CNV trong phạm vi phụ trách của mình.

### **9. Giám đốc Xí nghiệp:**

- Thực hiện các hợp đồng giao khoán giữa Công ty với Xí nghiệp để thực hiện các hợp đồng kinh tế giữa Công ty ký kết với khách hàng.

- Được Công ty giao quản lý, triển khai thực hiện các dự án được UBND tỉnh giao cho Công ty liên doanh, liên kết làm chủ đầu tư.

- Quan hệ với khách hàng để tìm kiếm thêm công việc làm, thương thảo giao dịch rồi chuyển về Công ty ký kết hợp đồng hoặc Công ty ủy quyền cho Xí nghiệp ký kết và thực hiện hợp đồng.

- Xí nghiệp chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh và quản lý kinh tế - tài chính trong phạm vi được Công ty giao, trên cơ sở đó bảo toàn và phát triển nguồn vốn Công ty giao, bảo đảm tái sản xuất mở rộng, tạo thêm việc làm, ổn định và cải thiện đời sống người lao động, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước và trách nhiệm đối với Công ty, tham gia đóng góp vào các hoạt động xã hội.

- Triển khai sản xuất, giám sát và đo lường việc thực hiện quá trình.

- Đảm bảo sản phẩm được sản xuất trong điều kiện kiểm soát, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy định về việc kiểm tra chất lượng.

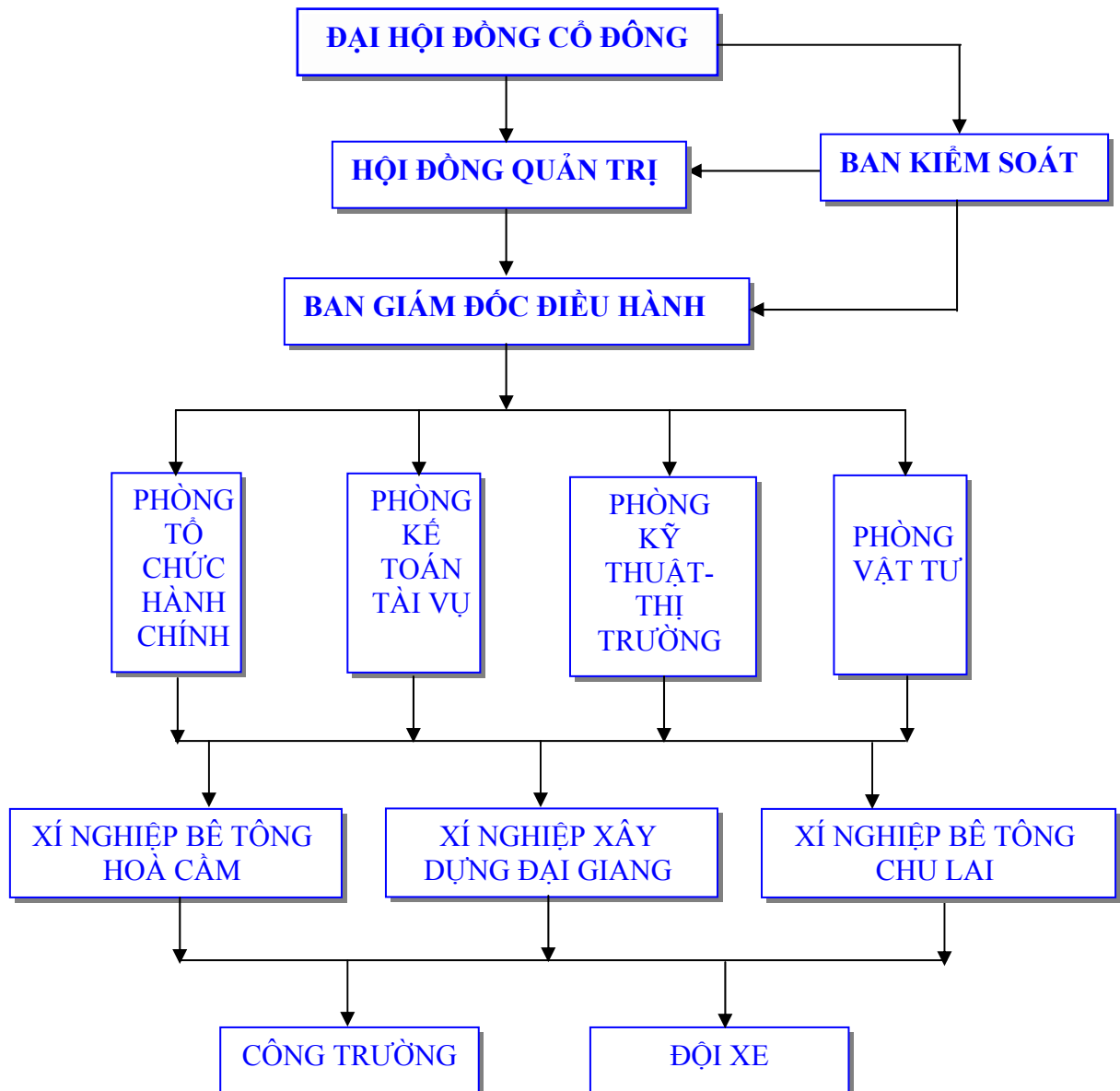
- Đảm bảo có biện pháp nhận dạng và xây dựng trạng thái kiểm tra thử nghiệm trong mọi quá trình sản xuất làm cơ sở truy nguyên khi cần thiết.

- Có biện pháp xử lý hoặc đề xuất kịp thời các sự việc không phù hợp làm cơ sở cho hành động khắc phục, phòng ngừa.

- Lập kế hoạch và giám sát việc thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định các phương tiện theo dõi, đo lường.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY



**3. Cơ cấu sở hữu vốn cổ phần đến ngày 30/06/2007 :**

| Cổ đông                                      | Số cổ phần nắm giữ (cổ phần) | Giá trị vốn cổ phần (VND) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|--|------------------------------|---------------------------|------------------|
| <b>Tổng số cổ phần</b>                       | <b>1.622.802</b>             | <b>16.228.020.000</b>     | <b>100</b>       |
| <b>Pháp nhân</b>                             |                              |                           |                  |
| - Cty Xây Dựng Quảng Nam – TNHH 1 Thành Viên | 835.380                      | 8.353.800.000             | 51,48            |
| <b>Thế nhân</b>                              |                              |                           |                  |
| - CBCNV Công ty                              | 143.259                      | 1.432.590.000             | 8,83             |
| - Cổ đông bên ngoài                          | 644.163                      | 6.441.630.000             | 39,69            |
| - Cổ phiếu quỹ                               | 0                            | 0                         | 0                |

**4. Danh sách cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Địa chỉ                                 | Số CMND/ĐKKD | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|--|---|--------------|------------|------------------|
| 1   | Phần vốn Nhà nước<br>( Công ty Xây dựng Quảng Nam – TNHH một thành viên) | Đường Phan Bội Châu-TP Tam kỳ-Quảng Nam | 3304000009   | 835.380    | 51,48            |
| 2   | Phan Đức Tổng  | 41 Mai Dịch - Đà Nẵng                   | 200026586    | 20.298     | 1,25             |
| 3   | Nguyễn Hữu Kỳ  | 27/10 Nguyễn Thành Hân - Đà Nẵng        | 200884819    | 19.510     | 1,2              |
| 4   | Hồ Minh Đức  | 29 Hà Huy Tập - Đà Nẵng                 | 200893297    | 18.943     | 1,17             |
| 5   | Các cổ đông khác   |   |              | 728.671    | 44,9             |

**5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty trở lên tại thời điểm 30/06/2007**

| STT | Tên cổ đông                                      | Địa chỉ                                 | Số CMND/ĐKKD | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|--|---|--------------|------------|------------------|
| 1   | Công ty Xây dựng Quảng Nam – TNHH một thành viên | Đường Phan Bội Châu-TP Tam kỳ-Quảng Nam | 3304000009   | 835.380    | 51,48            |

(\*) Một cổ phần có giá trị 10.000 đồng.



**6. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký và công ty mà tổ chức đăng ký đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.**

**6.1. Công ty nắm cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký**

- Tên Công ty: Công ty Xây Dựng Quảng Nam – TNHH Một Thành Viên
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm: 51,48%

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, cảng biển và xây dựng khác;
- Kinh doanh nhà, thi công nền, móng đường giao thông, thi công mặt đường cấp phối, đá dăm xâm nhập nhựa, thảm nhựa, cống và cầu;
- Sản xuất, cung ứng bê tông thương phẩm, kinh doanh vật liệu xây dựng và các loại sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại;
- Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét, gạch, ngói phục vụ cho xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất, lắp đặt và kinh doanh các sản phẩm cơ khí, công nghệ thông tin;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các loại máy móc, thiết bị, công nghệ vật liệu;
- Tư vấn và thiết kế công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản
- Kinh doanh xe ô tô và phương tiện vận tải
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp cấp điện áp đến 35KV
- Kinh doanh dịch vụ photocopy
- Nghiên cứu, lập dự án đầu tư xây dựng công trình
- Quy hoạch chi tiết các khu chức năng đô thị và nông thôn
- Dịch vụ tư vấn và quản lý dự án
- Dịch vụ thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán các loại công trình
- Giám sát kỹ thuật xây dựng các loại công trình
- Khảo sát địa chất công trình
- Thí nghiệm và kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng.

**6.2. Công ty mà tổ chức đăng ký góp vốn**

Tên Công ty: Công ty cổ phần Chu Lai

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty cổ phần Chu Lai: 17,09%

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Khai thác, chế biến đá xây dựng, các khoáng chất phi kim loại, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Sản xuất bê tông công nghiệp - cấu kiện bê tông đúc sẵn
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, thuỷ điện
- Đầu tư, xây dựng kinh doanh cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị.
- Kinh doanh, sản xuất, xuất nhập khẩu trực tiếp xe máy, thiết bị, công nghệ, vật tư, vật liệu điện, điện tử.
- Kinh doanh phương tiện vận tải và thiết bị giao thông vận tải
- Gia công, lắp ráp, tân trang, sửa chữa phương tiện giao thông vận tải, cơ khí, thuỷ điện
- Kinh doanh vận tải hàng hoá, vận chuyển khách du lịch, khách công cộng
- Thi công lắp đặt hệ thống điện tự động, điện tử, mạng máy tính, thông tin tin hiệu, đường dây và thiết bị điện cấp điện áp đến 35KV.

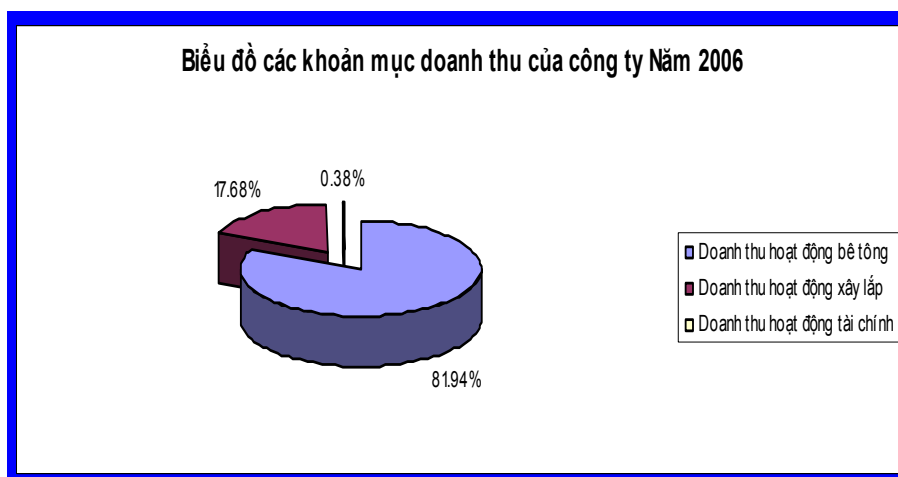
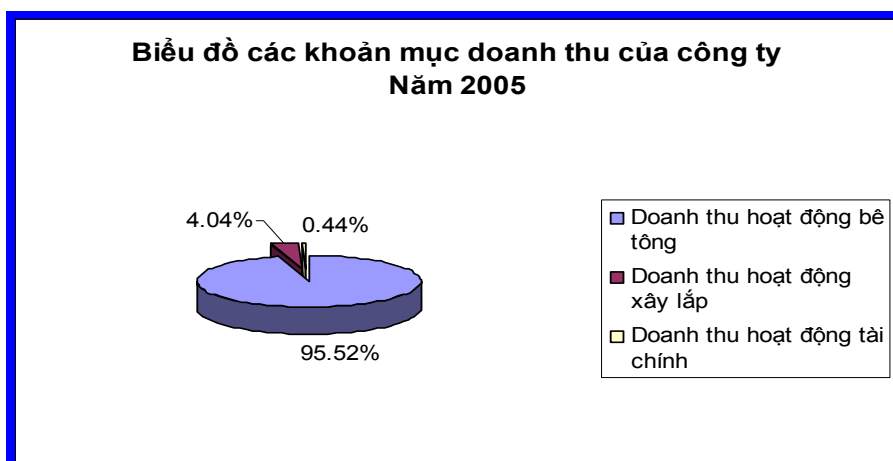
**7. Hoạt động kinh doanh****7.1. Sản phẩm, dịch vụ chính**

Công ty CP Bê tông Hoà Cẩm với chức năng chính là sản xuất, cung ứng bê tông thương phẩm, xây dựng các công trình dân dụng, thuỷ lợi và cầu đường. Qua hơn 5 năm hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình cổ phần hoá, bước đầu đã đạt được những kết quả khả quan.

Tổng giá trị tài sản cố định của Công ty khi mới thành lập là: 18,078 tỷ đồng. Sau hơn 5 năm hoạt động, giá trị TSCĐ hiện nay (30/6/2007) là: 33,048 tỷ đồng, đã khấu hao được 21,550 tỷ đồng, giá trị còn lại 11,498 tỷ đồng.

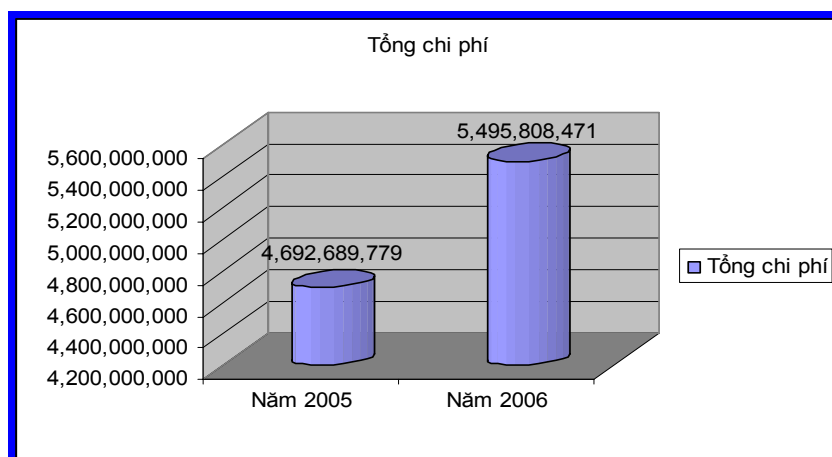
***Doanh thu sản phẩm chính qua các năm***

| Khoản mục                     | Năm 2005              |              | Năm 2006              |              |
|-------------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|
|                               | Giá trị (triệu đồng)  | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu đồng)  | Tỷ trọng (%) |
| Doanh thu hoạt động bê tông   | 41.445.591.556        | 95,52        | 47.502.782.273        | 81,94        |
| Doanh thu hoạt động xây lắp   | 1.753.178.317         | 4,04         | 10.249.755.140        | 17,68        |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 192.770.822           | 0,44         | 222.647.960           | 0,38         |
| <b>Tổng doanh thu</b>         | <b>43.391.540.695</b> | <b>100</b>   | <b>57.975.185.373</b> | <b>100</b>   |



*Lợi nhuận sản phẩm chính qua các năm*

| Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh | Năm 2005             |              | Năm 2006             |              |
|--|----------------------|--------------|----------------------|--------------|
|  | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) |
| + Hoạt động Bê tông                              | 5.112.675.799        | 108,95       | 5.063.322.312        | 92,13        |
| + Hoạt động Xây lắp                              | -613.856.842         | -13,08       | 209.838.199          | 3,82         |
| + Hoạt động Tài chính                            | 192.770.822          | 4,13         | 222.647.960          | 4,05         |
| <b>Tổng</b>                                      | <b>4.692.689.779</b> | <b>100</b>   | <b>5.495.808.471</b> | <b>100</b>   |



## 7.2. Nguyên vật liệu

### 7.2.1. Nguồn nguyên liệu

Hiện nay Công ty sử dụng nguyên liệu chính là Xi măng: PCB40 Nghi Sơn, Kim Đỉnh, Phúc Sơn...; Đá 1x2, 2x4 tại các mỏ đá Phước Tường, Hoà Nhơn, Chu Lai; Cát đúc Túy Loan, Tam Kỳ; phụ gia hoá dẻo, siêu dẻo của các hãng Sika, Mapei, Basf; Nước của Nhà máy nước Đà Nẵng.

Một số đơn vị chuyên cung cấp vật tư chính cho Công ty:

1. Công ty Cổ Phần Công Nghệ Phẩm Đà Nẵng
2. Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Minh Toàn
3. Công ty Cổ Phần Thương Mại & Dịch Vụ Đà Nẵng
4. Công ty Sika hữu hạn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng
5. Công ty TNHH Mapei Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng
6. Công ty TNHH Hoá Chất XD Basf Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng
7. Công ty Hoá Chất Mỏ Trung Trung Bộ - Chi nhánh Đà Nẵng
8. Công ty Cổ phần Chu Lai
9. Công ty TNHH Mai Việt
10. Xí nghiệp Vật tư Vật liệu Giao Thông
11. Xí nghiệp Khai Thác Vật Liệu Xây Dựng Giao Thông 33

### 7.2.2. Sự ổn định của nguồn cung cấp

Trạm bê tông Hoà Cầm: vị trí nằm gần khu vực các mỏ đá và cát, cự ly vận chuyển ngắn đáp ứng được trữ lượng cung cấp và chất lượng ổn định. Bên cạnh đó nguồn xi măng được các nhà cung cấp chủ yếu ở khu vực phía bắc nên có khó khăn ở cự ly vận chuyển, tuy nhiên chất lượng tương đối ổn định đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

Trạm bê tông Tam Kỳ và Trạm bê tông Chu Lai: chất lượng nguồn đá Chu Lai rất tốt và ổn định; lượng cát đúc Tam kỳ mua của các nhà cung cấp được khai thác bằng đường sông nên về mùa mưa lượng cát thường hay khan hiếm, do vậy Công ty luôn có kế hoạch dự trữ nguồn vật tư này. Vật liệu Xi măng Công ty có hợp đồng với nhiều nhà cung cấp để đảm bảo đầu vào ổn định. Những khách hàng có nhu cầu mua bê tông với

khối lượng lớn thường phối hợp chặt chẽ với Công ty để lên kế hoạch sản xuất hợp lý, đáp ứng được tiến độ chung.

### **7.2.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến chi phí sản xuất, doanh thu, lợi nhuận**

Nhìn chung nguồn nguyên vật liệu chính của Công ty đều được lựa chọn có sự chào giá cạnh tranh, các đơn vị cung cấp gốc, đảm bảo chất lượng và giá cả. Do vậy giảm tối đa được chi phí giá thành sản xuất, một trong những yếu tố góp phần mang lại hiệu quả trong kinh doanh của Công ty.

### **7.3. Trình độ công nghệ**

- Công ty đã đầu tư mua thiết bị mới hoàn toàn (100%) gồm:

\* Hai trạm trộn bê tông hiệu ORU công nghệ sản xuất bê tông của Italia hiện đại với công suất 90m<sup>3</sup>/h, 60m<sup>3</sup>/h và một trạm trộn bê tông mini di động công suất 30m<sup>3</sup>/h do Đức và Việt Nam sản xuất, tiện lợi cho việc di dời, lắp đặt tại các địa điểm đáp ứng nhu cầu cung cấp bê tông có đặc thù riêng.

\* Xe bơm cần hãng Deawoo sản xuất công suất 130m<sup>3</sup>/h, cần vươn dài 39m.

\* Xe bơm cần hãng Callaghan sản xuất công suất 80m<sup>3</sup>/h, cần vươn dài 28m.

\* Bơm ngang hiệu CiFa - Italia, công suất 65m<sup>3</sup>/h, bơm cao 60m, xa 400m.

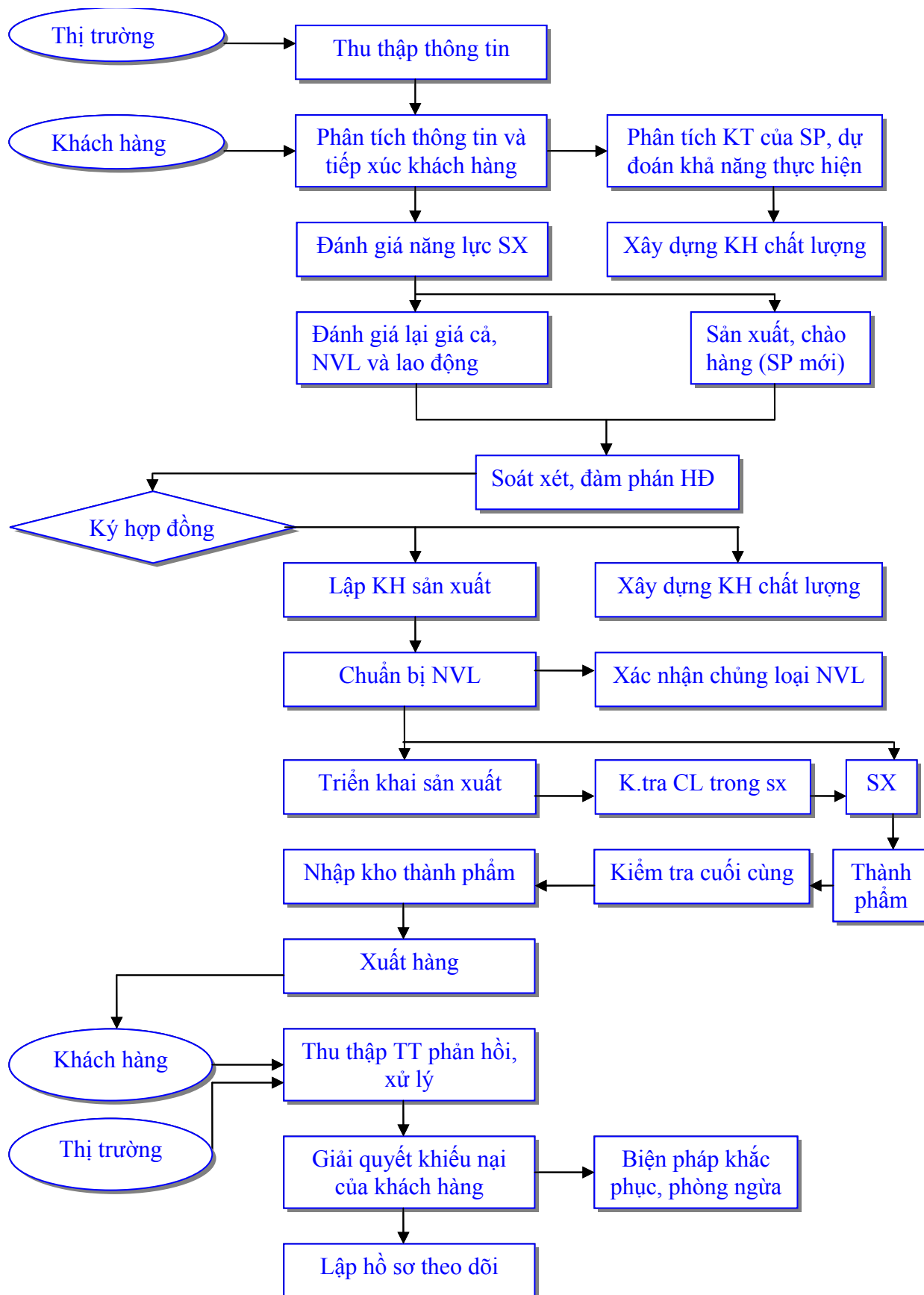
\* 15 xe vận chuyển bê tông hiệu Hyundai, SangYoung, Asia, dung tích 6-7 m<sup>3</sup>.

\* 04 xe vận chuyển nguyên vật liệu hiệu Hyundai, trọng tải 10m<sup>3</sup>.

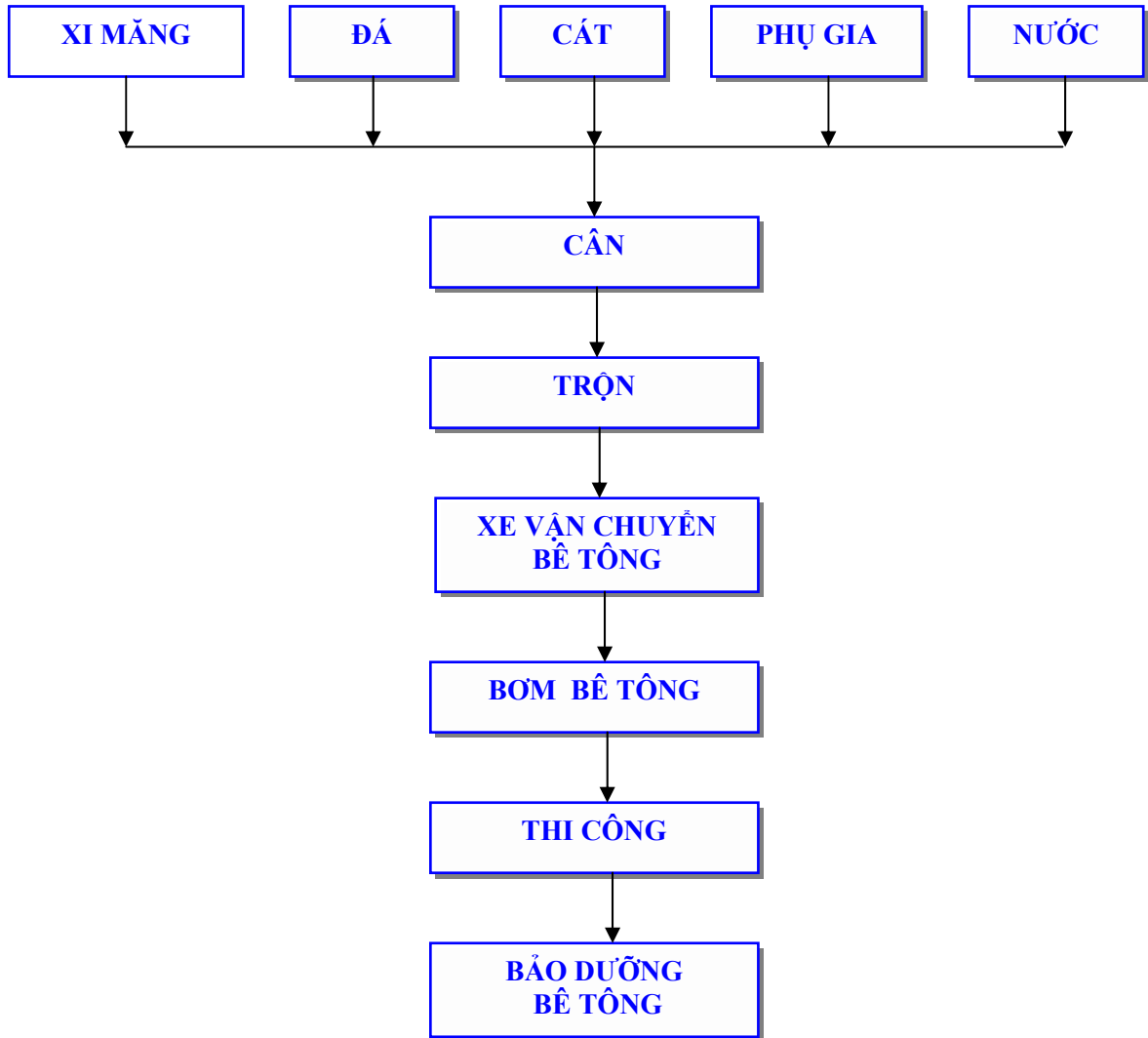
\* 05 xe xúc lật và cơ giới khác đáp ứng đồng bộ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề được đào tạo bài bản, chuyên sâu và đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất bê tông.

**BIỂU ĐỒ TIẾN TRÌNH SẢN XUẤT - KINH DOANH**



## SƠ ĐỒ SẢN XUẤT BÊ TÔNG



#### 7.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

- Công ty đã và đang tiến hành nghiên cứu và có định hướng mở rộng sản xuất bê tông cấu kiện đúc sẵn và ống cống ly tâm trong tương lai khi tìm được đầu ra ổn định cho việc tiêu thụ sản phẩm này.

- Công ty hiện đang kết hợp với các giáo sư tiến sỹ đầu ngành, các nhà cung ứng bê tông trong Hiệp hội Công nghiệp Bê Tông, vận dụng đưa những đề tài nghiên cứu về bê tông mác cao, bê tông bền Sufat chống xâm thực trong môi trường nước biển đã được Nhà nước công nhận vào thực tế thi công của các công trình.

#### 7.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

##### - Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Công ty đánh giá rằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ không chỉ phụ thuộc vào thiết bị, công nghệ, NVL, qui trình sản xuất, các hoạt động, các vấn đề liên quan, mà còn phụ thuộc cơ bản vào con người thực hiện; chính vì vậy, Công ty còn quan tâm đến chính sách nguồn nhân lực, dựa trên Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN/ISO 9001:2000 đã được áp dụng tại Công ty từ tháng 11 năm 2003, do tổ chức quốc tế DNV (DET NORSE VERITAS) công nhận và được tái chứng nhận lần thứ II, vào cuối năm 2006. Công ty đảm bảo có các biện pháp để xác định, cung cấp các nguồn lực và thực hiện chương trình đào tạo cần thiết để CBCNV, những người thực hiện các công việc ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm, dịch vụ do Công ty cung cấp, có đầy đủ năng lực, kỹ năng và kinh nghiệm thích hợp để hoàn thành những nhiệm vụ được giao.

Công ty thiết lập các qui trình HTQLCL dưới dạng văn bản và duy trì việc thực hiện các qui trình này để đảm bảo sự vận hành của HTQLCL, đồng thời thường xuyên nâng cao tính hiệu quả của Hệ thống, nâng cao sự thoả mãn của khách hàng.

- **Các bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty:** Tất cả các bộ phận liên quan trong quá trình hoạt động của Công ty đều thực hiện các qui trình của HTQLCL.

##### VỀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

##### a. Chính sách:

Công ty đảm bảo có các biện pháp để xác định và cung cấp các điều kiện về cơ sở hạ tầng, môi trường làm việc cần thiết nhằm đạt được các kết quả mong muốn qua việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đến khách hàng.

##### b. Biện pháp thực hiện:

Căn cứ vào đề xuất của các TP/PP trong các cuộc họp định kỳ, Giám đốc Công ty sẽ xem xét và quyết định để bổ sung hoặc trang bị cơ sở hạ tầng, môi trường làm việc thích hợp, tạo sự thuận lợi cho CBCNV trong hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ đến khách hàng, nhằm đảm bảo:

- + Nơi làm việc thích hợp và đảm bảo sự sẵn có của các thiết bị cần thiết.
- + Thông tin có liên quan đến hoạt động phải sẵn có và được cập nhật.
- + Thực hiện việc bảo quản các thiết bị và các phương tiện hỗ trợ.
- + Môi trường làm việc phải thông thoáng với nhiệt độ và ánh sáng thích hợp.
- + Thực hiện việc kiểm tra sức khoẻ cho CBCNV, đặc biệt là những người làm việc tại những khu vực có nguy cơ về bệnh nghề nghiệp cao.



- + Đảm bảo an toàn trong lao động, xây dựng ý thức về lao động cho CBCNV.
- + Tiếng ồn và sự ô nhiễm phải được kiểm soát phù hợp trong phạm vi cho phép.

#### VỀ VIỆC TẠO SẢN PHẨM

##### **a. Chính sách:**

Công ty bảo đảm kế hoạch và thực hiện các qui trình cần thiết trong việc tạo sản phẩm. Việc hoạch định này phải tương thích với các yêu cầu của các quá trình khác thuộc HTQLCL.

##### **b. Biện pháp thực hiện:**

Khi có yêu cầu của khách hàng, Công ty sẽ tiến hành hoạch định việc tạo sản phẩm, bao gồm các nội dung:

- + Xác định mục tiêu chất lượng và các yêu cầu đối với sản phẩm, dịch vụ.
- + Yêu cầu về tài liệu, nguồn lực đáp ứng cho từng quá trình liên quan đến sản phẩm, dịch vụ.
- + Các hoạt động theo dõi, đo lường sản phẩm, dịch vụ trên cơ sở các chuẩn mực chấp nhận.

#### VỀ CÁC QUÁ TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN KHÁCH HÀNG

##### **a. Chính sách:**

Công ty thực hiện các biện pháp thích hợp để hiểu đúng các yêu cầu của khách hàng nhằm đáp ứng và thoả mãn các yêu cầu đó thông qua việc xác định cụ thể về yêu cầu từ khách hàng, kể cả khi có yêu cầu về sửa đổi, bổ sung và việc xem xét khả năng để đáp ứng các yêu cầu mà khách hàng đã nêu.

##### **b. Biện pháp thực hiện:**

Công ty đảm bảo xây dựng, duy trì việc thực hiện các qui trình nhằm:

- + Ghi nhận đầy đủ các yêu cầu từ khách hàng về sản phẩm, dịch vụ mà họ muốn tiếp nhận.
- + Xem xét và cân đối năng lực để đảm bảo đáp ứng và thoả mãn các yêu cầu đó, kể cả các sửa đổi, bổ sung khi ký kết hợp đồng.
- + Xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng (nếu có).
- + Duy trì các hồ sơ có liên quan đến khách hàng.

#### VỀ VIỆC CÔNG TY MUA HÀNG

##### **a. Chính sách:**

Công ty đảm bảo các hàng hoá, dịch vụ và các vật liệu chủ yếu mua về phục vụ thi công cho các công trình luôn phù hợp các yêu cầu chất lượng, góp phần triển khai và thực hiện công việc đúng tiến độ, đúng kế hoạch đã đề ra.

##### **b. Biện pháp thực hiện:**

Công ty thiết lập, thực hiện các qui trình và duy trì dưới dạng văn bản cho hoạt động mua hàng và phải bao gồm:

- + Đánh giá, chọn lựa nhà cung cấp.

- + Sự đầy đủ và chính xác về thông tin mua hàng.
- + Khi cần thiết, Công ty sẽ tiến hành đánh giá tại cơ sở của người bán, nhà cung cấp, hoặc chấp nhận việc xem xét của khách hàng về chất lượng sản phẩm do nhà cung cấp đảm trách việc cung ứng.
- + Hồ sơ liên quan đến hoạt động mua hàng phải được lưu giữ.

#### VỀ SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ

##### **a. Chính sách:**

Công ty thực hiện việc xác định những quá trình có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm nhằm bảo đảm các quy định trình tự, phương thức và các thủ tục cần thiết trong việc triển khai thi công các công trình để quá trình sản xuất diễn ra một cách khoa học, hợp lý, đảm bảo kiểm soát mọi hoạt động sản xuất trên công trường để công trình hoàn thành đúng tiến độ, đạt yêu cầu của khách hàng, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao uy tín của Doanh nghiệp, đồng thời củng cố và phát triển lòng tin của khách hàng đối với các công trình do Công ty đảm nhận thi công.

##### **b. Biện pháp thực hiện:**

Công ty thiết lập, thực hiện các quy trình và duy trì các tài liệu có liên quan đến việc tiến hành các quá trình tạo sản phẩm, các tài liệu phải hàm chứa:

- + Các hướng dẫn công việc cần thiết cũng như các tiêu chuẩn, qui định kỹ thuật áp dụng áp dụng cho việc tạo sản phẩm, cung ứng sản phẩm.
- + Xác định các thiết bị thích hợp sử dụng cho quá trình.
- + Xác định, giám sát và kiểm soát các thông số phù hợp của quá trình và các đặc tính của sản phẩm, dịch vụ để đảm bảo tính ổn định trong quá trình sản xuất cũng như trong dịch vụ cung cấp.

#### VỀ VIỆC NHẬN BIẾT VÀ XÁC ĐỊNH NGUỒN GỐC SẢN PHẨM

##### **a. Chính sách:**

Công ty đảm bảo nhận biết, xác định trạng thái kiểm tra thử nghiệm của các sản phẩm dịch vụ được thực hiện một cách đầy đủ và chính xác từ khi tiếp nhận, trong suốt quá trình sản xuất và cho đến khi nghiệm thu bàn giao cho khách hàng.

##### **b. Biện pháp thực hiện:**

Công ty thiết lập, thực hiện các quy trình và duy trì qui trình để nhận biết, thể hiện đúng trạng thái của sản phẩm làm cơ sở cho việc xác định nguồn gốc.

Qui trình phải xác định các phương pháp cụ thể đối với sản phẩm từ khi tiếp nhận, trong các giai đoạn của quá trình sản xuất đến khi hoàn thành công trình và bàn giao qua việc qui định các ký hiệu nhận biết, hồ sơ ghi chép, trạng thái của sản phẩm tương ứng với kết quả kiểm tra, thử nghiệm.

Qui định các ký hiệu nhận biết, hồ sơ ghi chép, trạng thái của sản phẩm tương ứng với kết quả kiểm tra, thử nghiệm.

#### VỀ TÀI SẢN CỦA KHÁCH HÀNG

##### **a. Chính sách:**

Công ty đảm bảo tài sản của khách hàng cung cấp phải luôn được kiểm soát và bảo đảm rằng tài sản của khách hàng dưới bất cứ hình thức nào, sau khi đã chuyển giao cho Doanh nghiệp, luôn được lưu giữ và theo dõi theo đúng qui định.

**b. Biện pháp thực hiện:**

Công ty thiết lập, thực hiện các qui trình và duy trì dưới dạng văn bản cho việc kiểm soát, lập hồ sơ, lưu kho, bảo quản tài sản do khách hàng cung cấp.

Trường hợp tài sản do khách hàng cung cấp bị thất thoát, hư hỏng hoặc không còn phù hợp với yêu cầu sử dụng, phải lập hồ sơ và báo cáo kịp thời đến khách hàng. Khi cần thiết phải được thay thế hay bổ sung.

VỀ VIỆC BẢO TOÀN SẢN PHẨM

**a. Chính sách:**

Công ty đảm bảo mọi chủng loại vật tư chủ yếu sau khi được kiểm tra và nhập vào kho công trình luôn được kiểm soát và lưu giữ theo đúng qui trình của HTQLCL, kể cả những tài sản là hàng hoá của khách hàng.

**b. Biện pháp thực hiện:**

Công ty thiết lập, thực hiện các qui trình và duy trì các tài liệu dưới dạng văn bản đối với sản phẩm từ khi tiếp nhận, trong quá trình thi công, cho đến khi hoàn tất công trình qua các giai đoạn xếp dỡ, lưu kho, bao gói, bảo quản và cả quá trình nghiệm thu khi có yêu cầu.

Công ty đảm bảo cung cấp các điều kiện phù hợp cho các quá trình này nhằm đảm bảo chất lượng công trình luôn được duy trì.

+ Xác định những khu vực thích hợp để lưu kho.

+ Cung cấp đầy đủ các phương tiện, thiết bị phục vụ việc xếp dỡ, vận chuyển các sản phẩm có nguy cơ gây cháy nổ, thiếu an toàn.

VỀ VIỆC KIỂM SOÁT PHƯƠNG TIỆN THEO DÕI ĐO LƯỜNG

**a. Chính sách:**

Công ty đảm bảo tất cả các phương tiện theo dõi và đo lường chất lượng luôn đạt được độ chính xác thông qua việc kiểm soát phương tiện theo dõi và đo lường.

**b. Biện pháp thực hiện:**

Công ty thiết lập, thực hiện các qui trình và duy trì các tài liệu dưới dạng văn bản nhằm đảm bảo kiểm soát các phương tiện theo dõi và đo lường. Tài liệu phải bao hàm các yếu tố:

+ Tần suất của việc hiệu chuẩn, kiểm định, kiểm tra (trong trường hợp không thể hiệu chuẩn, kiểm định)

+ Các chỉ tiêu và độ chính xác có thể chấp nhận.

+ Việc nhận biết để xác định trạng thái hiệu chuẩn, kiểm định, kiểm tra cho từng phương tiện theo dõi, đo lường.

+ Điều kiện bảo quản để tránh hư hỏng hoặc mất độ chính xác cần thiết trong quá trình lưu kho, vận chuyển, sử dụng, kể cả yêu cầu về môi trường hoạt động của phương tiện.

+ Đánh giá và ghi nhận giá trị hiệu lực của các kết quả đo lường trước đó khi phát hiện phương tiện không còn phù hợp với yêu cầu qui định.

+ Việc kiểm tra phương tiện do Công ty thực hiện phải trên cơ sở các phương pháp cụ thể cũng như cung cấp các chương trình đào tạo thích hợp đối với CBCNV thực hiện.

+ Hồ sơ liên quan đến các phương tiện theo dõi và đo lường được lưu giữ theo qui định.

#### VIỆC ĐO LƯỜNG, PHÂN TÍCH VÀ CẢI TIẾN NHẪM THOẢ MÃN KHÁCH HÀNG ĐO LƯỜNG SỰ THOẢ MÃN CỦA KHÁCH HÀNG

##### **a. Chính sách:**

Công ty bảo đảm có các biện pháp thích hợp để thường xuyên thu nhập thông tin về khách hàng, đo lường sự thỏa mãn của khách hàng làm cơ sở cải tiến hiệu quả của HTQLCL.

##### **b. Biện pháp thực hiện:**

Công ty xây dựng và duy trì việc thực hiện các quy trình nhằm thu thập thông tin về sự thỏa mãn của khách hàng qua các sản phẩm dịch vụ do Công ty cung cấp.

Thông tin phải phản ánh được:

- + Sự hài lòng hoặc chưa hài lòng của khách hàng.
- + Sự mong đợi của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ mà họ muốn tiếp nhận trong tương lai.
- + Các đóng góp khác của khách hàng về thái độ phục vụ, tính cách của CBCNV trực tiếp tiếp xúc.

Các thông tin phải được tổng hợp và là một yếu tố quan trọng đối với hoạt động cải tiến.

#### ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NỘI BỘ

##### **a. Chính sách:**

Công ty thực hiện việc tiến hành đánh giá chất lượng nội bộ theo kế hoạch nhằm đảm bảo sự liên tục phù hợp và tính hiệu quả của HTQLCL

##### **b. Biện pháp thực hiện:**

Công ty xây dựng và duy trì việc thực hiện này nhằm đảm bảo sự liên tục phù hợp và tính hiệu quả của tài liệu đang sử dụng.

Quy trình cũng bao gồm:

- + Việc lập kế hoạch và quá trình thực hiện đánh giá chất lượng nội bộ cũng như xác định chuẩn mực, phạm vi và tần suất đánh giá.
- + Đảm bảo tính khách quan của quá trình và kết quả đánh giá
- + Việc thực hiện Hành động khắc phục kịp thời hoặc hành động phòng ngừa khi cần thiết để loại bỏ các nguyên nhân gây ra sự không phù hợp hiện có hay còn tiềm ẩn trong quá trình đánh giá.

#### THEO DÕI VÀ ĐO LƯỜNG CÁC QUÁ TRÌNH

**a. Chính sách:**

Công ty áp dụng các biện pháp thích hợp để theo dõi và đo lường các quá trình cung ứng sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng để đảm bảo tính hiệu quả của HTQLCL và sự liên tục thỏa mãn yêu cầu của khách hàng.

**b. Biện pháp thực hiện:**

Công ty xây dựng và duy trì việc thực hiện các quy trình nhằm đo lường mức độ thực hiện các quá trình.

- + Thông tư phản hồi kết quả thực hiện
- + Theo dõi và phân tích hiệu quả huy động thiết bị, nguồn lực, tiến độ thi công, cung ứng vật tư.
- + Thông tin phản hồi của khách hàng trong quá trình cung ứng sản phẩm, dịch vụ hoặc sau khi tiếp nhận.
- + Đề xuất, xử lý kịp thời để đảm bảo sự kiểm soát cho từng quá trình

**THEO DÕI VÀ ĐO LƯỜNG SẢN PHẨM****a. Chính sách:**

Công ty có các biện pháp thích hợp để theo dõi và đo lường sản phẩm, dịch vụ đã cung cấp nhằm đảm bảo các yêu cầu chất lượng quy định cho từng loại sản phẩm, dịch vụ được áp dụng đầy đủ và thích hợp.

**b. Biện pháp thực hiện:**

- 1/ Kiểm tra và thử nghiệm khi nhận:
  - + Việc kiểm tra sản phẩm đầu vào phải được tiến hành nhằm xác nhận rằng các yêu cầu quy định về chất lượng đã được đáp ứng cũng như người bán, nhà cung cấp đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm cam kết.
  - + Khi sản phẩm đầu vào được miễn kiểm tra vì mục đích sản xuất khẩn cấp, thì phải được nhận biết là lập hồ sơ nhằm cho phép thu hồi, thay thế kịp thời trong trường hợp phát hiện sự không phù hợp.
- 2/ Kiểm tra và thử nghiệm trong quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ
  - + Việc kiểm tra phải được tiến hành trong suốt quá trình nhằm sớm phát hiện sản phẩm không phù hợp.
- 3/ Kiểm tra và thử nghiệm cuối cùng
  - + Sản phẩm hoặc dịch vụ chỉ được chuyển giao, phân phối đến khách hàng khi đã có đầy đủ bằng chứng về sự phù hợp.
- 4/ Hồ sơ kiểm tra, thử nghiệm
  - + Hồ sơ phải chứng minh rằng sản phẩm, dịch vụ đã được kiểm tra, thử nghiệm theo các tiêu chuẩn quy định phải được lưu giữ.

**KIỂM SOÁT SẢN PHẨM KHÔNG PHÙ HỢP****a. Chính sách:**

Công ty đảm bảo sự không phù hợp với các yêu cầu quy định phải được nhận biết và kiểm soát nhằm ngăn ngừa những khả năng ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ do Công ty cung cấp.

**b. Biện pháp thực hiện:**

Công ty thiết lập và duy trì việc thực hiện quy trình nhằm nhận biết, phân loại và kịp thời xử lý các sự việc không phù hợp:

- + Nhận biết và xác định mức độ của sự không phù hợp
- + Căn cứ mức độ, phạm vi ảnh hưởng và tính chất của sự việc mà có sự phân công thích hợp về người thực hiện các biện pháp xử lý.
- + Khi cần thiết các biện pháp xử lý sẽ được thông báo đến khách hàng.
- + Nhằm tránh sự tái diễn hoặc khả năng có thể xuất hiện sự việc không phù hợp, các hành động thích hợp sẽ được tiến hành.

**CÁC CHÍNH SÁCH ĐẢM BẢO VIỆC CẢI TIẾN**

Công ty đảm bảo việc cải tiến hiệu quả của HTQLCL được tiến hành thông qua quá trình vận hành của chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, đánh giá chất lượng, phân tích dữ liệu, hành động khắc phục, phòng ngừa.

**HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC**

**HÀNH ĐỘNG PHÒNG NGỪA**

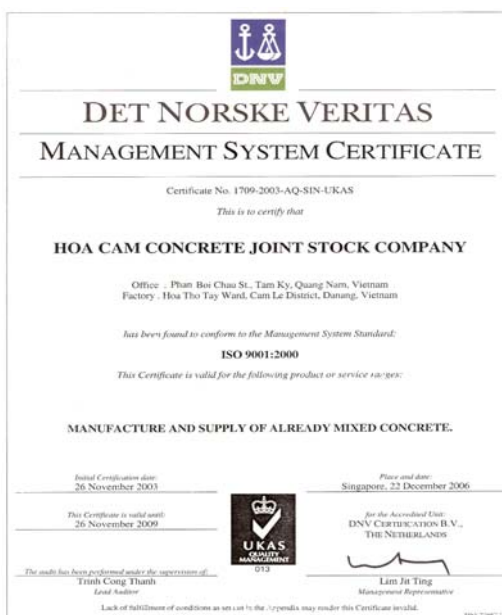
**a. Chính sách:**

Công ty đảm bảo có các hành động khắc phục, phòng ngừa thích hợp và kịp thời nhằm loại bỏ các nguyên nhân gốc rễ hoặc các nguyên nhân tiềm ẩn có khả năng gây ra sự không phù hợp trong quá trình cung cấp sản phẩm dịch vụ đến khách hàng.

**b. Biện pháp thực hiện:**

Công ty xây dựng và duy trì việc thực hiện quy trình qua các bước:

- + Xác định các sự việc cần có hành động khắc phục, phòng ngừa, kể cả khi có khiếu nại của khách hàng.
- + Xem xét, điều tra tìm nguyên nhân hoặc có khả năng tiềm ẩn có thể phát sinh không phù hợp.
- + Quyết định hành động khắc phục, phòng ngừa thích hợp.
- + Kiểm tra kết quả thực hiện hành động đã được phê duyệt.



### 7.6. Hoạt động Marketing

Thông qua website: [www.betonghoacam.com.vn](http://www.betonghoacam.com.vn), Công ty đã giới thiệu về năng lực thiết bị, kinh nghiệm sản xuất kinh doanh và những công trình Công ty đã thực hiện việc cung cấp bê tông nhằm quảng bá thương hiệu đến người tiêu dùng.

Hàng năm Công ty đăng ký nhiều số quảng cáo trên các tạp chí Xây dựng, báo Đà Nẵng, Khu kinh tế mở Chu Lai.. và trang web của Hiệp hội Công nghiệp Bê Tông, gửi brochure giới thiệu về năng lực của Công ty đến trực tiếp với khách hàng.

Công ty thường xuyên đổi mới, cải tiến cung cách phục vụ và khẳng định chất lượng sản phẩm đối với những khách hàng lâu năm và mới, nhằm tạo dựng uy tín, thương hiệu cho Công ty trong tương lai.

### 7.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện nay thương hiệu Bê tông Hoà Cẩm đã được nhiều khách hàng biết đến, để đảm bảo quyền sở hữu thương hiệu, trong thời gian đến Công ty sẽ đăng ký với cơ quan chức năng về quyền sở hữu nhãn hiệu thương mại “**Bê Tông Hoà Cẩm**”.

### 7.8. Các Hợp đồng lớn đã thực hiện

#### 7.8.1 Hợp đồng Bê tông:

| Tên công ty                                      | Giá trị thực hiện (triệu đồng) | Thời gian thực hiện Hợp đồng | Công trình           |
|--|--------------------------------|------------------------------|----------------------|
| <b>Các khách hàng đã thực hiện xong Hợp đồng</b> |                                |                              |                      |
| 1. Công ty Cơ Khí Xây Dựng Thăng Long            | 12.012                         | 05/2003-02/2006              | Cầu Thuận Phước      |
| 2. Công ty Cổ phần Xây Dựng Cotec-Coteccons      | 2.147                          | 12/2004-05/2005              | Nam Hai Resort (gđ1) |
| Công ty Cổ phần Xây Dựng Cotec-Coteccons         | 7.075                          | 05/2005-12/2006              | Nam Hai Resort (gđ2) |

|  |       |                 |  |
|--|-------|-----------------|--|
| 3. Công ty TNHH XD & Dịch Vụ Tân Kỳ                            | 5.737 | 12/2005-03/2007 | K/sạn Hoàng Anh Gia Lai                      |
| 4. Công ty Kỹ Thuật Nền Móng & Xây Dựng 20                     | 4.619 | 07/2006-10/2006 | K/sạn Indochina                              |
| 5. Tổng Công ty Xây Dựng Công trình Quốc Gia Trung Quốc        | 2.851 | 08/2005-07/2006 | Cầu Thuận Phước                              |
| 6. Công ty Đầu tư & Phát triển GTVT Tracodi                    | 2.032 | 12/2005-02/2007 | Tuyến đường Túy Loan                         |
| 7. Công ty XD Dân dụng & Công Nghiệp Delta                     | 1.982 | 10/2005-09/2006 | K/ sạn Green Plaza                           |
| 8. Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Tân C.C                        | 1.901 | 02/2006-12/2006 | Xổ số kiến thiết                             |
| 9. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Số 2 - Vinaconex                   | 1.720 | 07/2005-07/2006 | Nhà điều hành sản xuất Dự án Điện            |
| 10. Công ty Cổ phần Vinaconex 25                               | 1.644 | 06/2006-12/2006 | Nhà máy Mapei                                |
| 11. Tổng công ty XD Bạch Đằng- CN Đà Nẵng                      | 1.290 | 06/2006-10/2006 | Siêu thị Tam Kỳ                              |
| 12. Công ty Cổ phần Quốc Cường                                 | 1.288 | 05/2006-11/2006 | K/ sạn 5 sao Đà Nẵng                         |
| 13. Cty CP Phát triển Đô Thị & KCN – QNĐN                      | 1.285 | 11/2005-02/2006 | Dệt 2/9                                      |
| 14 Công ty CP Xây Dựng Số 1 Hà Nội – XN Xây Lắp & Mộc Nội Thất | 1.082 | 12/2004-04/2006 | Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn |
| 15. Công ty CP Xây Lắp Thủy Sản Việt Nam                       | 1.006 | 04/2006-08/2006 | K/sạn Furama                                 |

(Nguồn: Trích dẫn từ Công ty Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm)

### 7.8.2 Hợp đồng Xây lắp:

| Tên công ty                                      | Giá trị thực hiện (triệu đồng) | Thời gian thực hiện Hợp đồng | Công trình                  |
|--|--------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| <b>Các khách hàng đã thực hiện xong Hợp đồng</b> |                                |                              |                             |
| 1. Công ty Đầu tư & Phát triển Kỳ Hà – Chu Lai   | 5.557                          | 06/2002-12/2003              | Đường nối ĐT 618 đến ĐT 620 |
| 2. Công ty Quản lý khai thác CT thủy lợi ĐN      | 2.908                          | 09/2002-10/2003              | Kênh mương Túy Loan         |
| 3. Ban quản lý Kinh tế mở Chu Lai                | 2.034                          | 06/2002-06/2004              | Cảng Kỳ Hà                  |
| 4. Liên Đoàn Lao Động TP Đà Nẵng                 | 1.252                          | 12/2002-02/2003              | Nhà văn hoá lao động        |
| 5. Công ty Cổ Phần Chu Lai                       | 1.185                          | 01/2004-06/2005              | Nhà làm việc - nhà ăn       |

(Nguồn: Trích dẫn từ Công ty Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm)

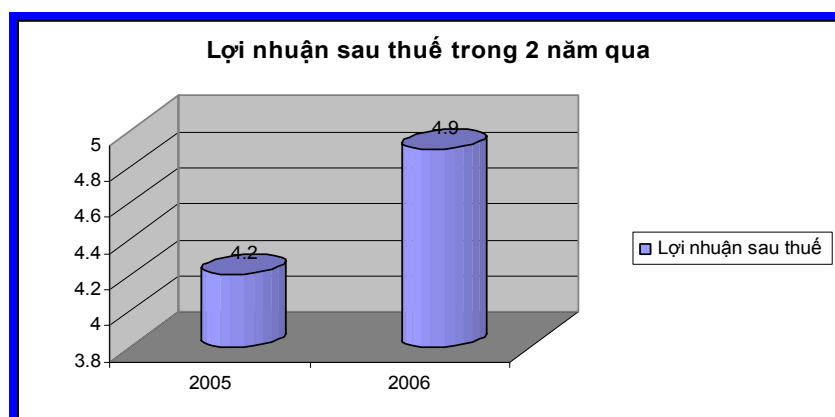
## 8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 8.1 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2005, 2006 và 6 tháng đầu năm 2007



| Chỉ tiêu  | Năm 2005       | Năm 2006       | % tăng (giảm) so với năm 2005 | 6 tháng đầu Năm 2007 |
|---|----------------|----------------|-------------------------------|----------------------|
| Tổng giá trị tài sản                            | 48.939.021.303 | 43.726.759.526 | -10,65                        | 43.386.794.718       |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 43.198.769.873 | 57.752.537.413 | 33,69                         | 31.348.445.229       |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 43.198.769.873 | 57.752.537.413 | 33,69                         | 31.348.445.229       |
| Giá vốn hàng bán                                | 37.055.183.461 | 50.235.542.207 | 35,57                         | 27.839477.996        |
| Lợi nhuận gộp                                   | 6.143.586.412  | 7.516.995.206  | 22,36                         | 3.508.967.233        |
| Doanh thu hoạt động tài chính                   | 192.770.822    | 222.647.960    | 15,50                         | 97.670.370           |
| Chi phí tài chính                               | 556.049.320    | 702.459.604    | 26,33                         | 259.146.768          |
| Chi phí bán hàng                                | -              | -              | -                             | -                    |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 1.087.618.135  | 1.541.375.091  | 41,72                         | 740.986.555          |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         | 4.692.689.779  | 5.495.808.471  | 17,11                         | 2.606.504.280        |
| Thu nhập khác                                   | -              | -              | -                             | -                    |
| Chi phí khác                                    | 2.233.907      | 10.350.000     | 363,31                        | 5.461.877            |
| Lợi nhuận khác                                  | -2.233.907     | -10.350.000    | -363,31                       | -5.461.877           |
| Tổng lợi nhuận trước thuế                       | 4.690.455.872  | 5.485.458.471  | 16,95                         | 2.601.042.403        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (*)         | 456.933.087    | 563.158.083    | 23,25                         | 319.793.193          |
| Lợi nhuận sau thuế (**)                         | 4.233.522.785  | 4.922.300.388  | 16,27                         | 2.281.249.210        |
| Tỷ lệ cổ tức đã chia                            | 20,4%          | 20%            | -1,96                         |                      |

( Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2005, 2006 và 6 tháng đầu năm 2007 đã được AAC kiểm toán)



*Giải thích* : Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (\*) và Lợi nhuận sau thuế (\*\*) năm 2005 có khác trong Báo cáo tài chính năm 2006, đã được Công ty AAC kiểm toán, lý do: Để thống nhất số liệu các năm, thuận tiện cho việc so sánh, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp mới được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, ngày 20 tháng 3 năm 2006, tính lại 2 chỉ tiêu trên cho phù hợp với quy định hiện hành.

Chỉ tiêu “Thuế thu nhập doanh nghiệp” năm 2005, tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005, là: 1.141.317.800 đồng, trong đó: “Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp” là: 570.658.900 đồng; “Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn” là: 570.658.900 đồng.

Nhưng chỉ tiêu “Thuế thu nhập doanh nghiệp” năm 2005, tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 là: 913.866.174 đồng, trong đó: “Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp” là: 456.933.087 đồng; “Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn” là: 456.933.087 đồng.

Lý do có sự khác biệt này: Theo Công văn của Bộ Tài Chính số 11684/BTC-TCT, ban hành ngày 16/09/2005, thì thuế suất thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất tại Trạm Bê tông Hoà Cẩm phải được tính là 20%, nhưng Công ty CP Bê tông Hoà Cẩm và Công ty AAC chưa cập nhập kịp thời, nên vẫn tính mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất tại Trạm Bê tông Hoà Cẩm năm 2005 là 25%. Trong Báo cáo tài chính năm 2006, Công ty kiểm toán AAC đã điều chỉnh chỉ tiêu “Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp” của năm 2005 (áp dụng mức thuế suất là 20%) là: 456.933.087 đồng và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” là: 4.233.522.785 đồng.

Chỉ tiêu “Thu nhập chịu thuế” và “Thuế thu nhập doanh nghiệp” của từng loại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2005 và năm 2006, cụ thể như sau:

| NỘI DUNG   | Năm 2005<br>VND      | Năm 2006<br>VND      |
|--|----------------------|----------------------|
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                     | 4.690.455.872        | 5.485.458.471        |
| Các khoản điều chỉnh để xác định lợi nhuận chịu thuế         |                      |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                  | -                    | 10.350.000           |
| + Chi phí không hợp lý, hợp lệ                               | -                    | 10.350.000           |
| + Các điều chỉnh khác  | -                    | -                    |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                  | 121.125.000          | -                    |
| + Lãi đầu tư vào Công ty con                                 | 121.125.000          | -                    |
| <b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>                               | <b>4.569.330.872</b> | <b>5.495.808.471</b> |
| Trong đó: - Nhà máy Bê tông Chu Lai                          | (286.235.200)        | 642.702.727          |
| - Hoạt động sản xuất vật liệu tại Trạm Bê Tông Hoà Cẩm       | 5.398.910.999        | 4.420.619.585        |
| - Xây lắp và hoạt động khác                                  | (543.344.927)        | 432.486.159          |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                            | <b>913.866.174</b>   | <b>1.069.490.315</b> |
| Trong đó: - Nhà máy Bê tông Chu Lai (10%)                    | -                    | 64.270.273           |
| - Hoạt động sản xuất vật liệu tại Trạm Bê Tông Hoà Cẩm (20%) | 913.866.174          | 884.123.917          |

|   |                      |                      |
|---|----------------------|----------------------|
| - Xây lắp và hoạt động khác (28%)               | -                    | 121.096.125          |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp           | 456.933.087          | 563.158.083          |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn          | 456.933.087          | 506.332.232          |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> | <b>4.233.522.785</b> | <b>4.922.300.388</b> |

( Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2005, 2006 đã được AAC kiểm toán)

## 8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty :

Qua số liệu báo cáo tài chính (đã được kiểm toán) của Công ty trong các năm qua cho thấy hoạt động kinh doanh luôn đạt kết quả tốt. Về doanh thu, lợi nhuận đều tăng qua các năm.

### ***Yếu tố thuận lợi :***

Góp phần đạt được kết quả trên đây, Công ty có nhiều nhân tố thuận lợi như:

- Nhu cầu cung cấp bê tông thương phẩm của thị trường khu vực rất lớn.
- Công ty đã đầu tư thiết bị, công nghệ sản xuất bê tông và vận chuyển bê tông hiện đại, đồng bộ và mới hoàn toàn, rất thuận lợi trong cạnh tranh với các đơn vị khác cùng ngành, đáp ứng được mọi yêu cầu của khách hàng về cung cấp bê tông.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật được đào tạo căn bản, chuyên sâu, kinh nghiệm và năng lực quản lý điều hành sản xuất tốt; đội ngũ công nhân lành nghề, nhiệt tình, tổ chức lao động sản xuất chuyên nghiệp.

- Thương hiệu “Bê Tông Hòa Cẩm” được rộng rãi khách hàng biết đến và tin nhiệm, bởi chất lượng sản phẩm tốt, trình độ tổ chức sản xuất, thi công, giá thành hợp lý. Nhiều công trình, khách hàng có yêu cầu cung cấp bê tông có khối lượng lớn, tiến độ nhanh, đều được Công ty đáp ứng kịp thời, được khách hàng tin tưởng và đánh giá cao về chất lượng và tiến độ thực hiện.

- Công ty đang vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN/ISO 9000:2000 vào quá trình sản xuất và quản lý doanh nghiệp tạo ra sản phẩm có chất lượng cao thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

### ***Yếu tố khó khăn :***

Bên cạnh những nhân tố thuận lợi, còn một số nhân tố không thuận lợi ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Giá đầu vào của nguyên vật liệu, nhiên liệu trong thời gian qua luôn biến động tăng, làm cho giá thành sản phẩm tăng, ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

- Một số doanh nghiệp khác cùng đang kinh doanh bê tông thương phẩm trên thị trường khu vực, tuy quy mô không lớn bằng Công ty Cổ phần Bê Tông Hòa Cẩm, song có thuận lợi nguồn vốn đầu tư nhỏ, thiết bị tài sản khấu hao gần hết, có ưu thế cạnh tranh về giá trên thị trường. Trong khi đó Công ty có nguồn vốn đầu tư lớn, mua thiết bị, xe máy mới khấu hao bình quân hàng năm cao, dẫn đến giá thành sản phẩm cao, khó cạnh tranh với các đơn vị khác cùng ngành nghề.

## **9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **9.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng lĩnh vực và địa bàn hoạt động**

Công ty cổ phần Bê tông Hoà Cẩm là một trong những doanh nghiệp cung ứng bê tông lớn nhất của khu vực, ra đời từ năm 1998, Công ty đã cung cấp bê tông cho hầu hết các công trình lớn tại miền Trung, được sự tín nhiệm của đông đảo khách hàng trong những năm qua.

Lợi thế cạnh tranh lớn là công ty ra đời sớm, phục vụ cho nhiều công trình trọng điểm, lại nằm ở trung lộ của khu vực, ngay tại vùng ven thành phố Đà Nẵng, đáp ứng yêu cầu của khách hàng theo chuẩn mực chất lượng đã xây dựng, thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000, nên Công ty không chỉ giữ được khách hàng cũ, mà còn mở rộng thị trường, gia tăng thị phần hàng năm.

Có được sự tín nhiệm này là nhờ công ty đã phục vụ tốt, cả về chất lượng sản phẩm, lẫn cung cách phục vụ.

Công ty hiện đang có các trạm bê tông với dây chuyền sản xuất hiện đại được đặt tại các địa điểm khu vực Hoà Cẩm, thành phố Đà Nẵng; khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam và một trạm bê tông Mini di động, tiện cho việc di dời lắp đặt ở mọi địa điểm. Các trạm trộn bê tông của Công ty hoạt động theo công nghệ bê tông trộn ướt, trộn cưỡng bức và hành tinh, tự động hoá hoàn toàn; chất lượng bê tông luôn tốt, đảm bảo ổn định do có độ đồng nhất cao, dễ kiểm soát chất lượng sản phẩm trong quá trình vận hành. Thiết bị vận chuyển và bơm bê tông được Công ty đầu tư mới hoàn toàn, ít hư hỏng, đáp ứng được tiến độ và các tính năng thi công cho các công trình.

Chính vì vậy, dù có sự cạnh tranh mạnh trong giai đoạn gần đây, khi có nhiều đơn vị cùng ngành nghề ra đời trong khu vực, song công ty vẫn không mất đi thị phần cũ, mà càng mở rộng và phát triển, uy tín ngày càng nâng cao.

### **9.2. Triển vọng phát triển của ngành:**

Trong suốt hai thập niên qua, ngành xây dựng Việt Nam liên tục tăng trưởng ở tốc độ cao. Tốc độ tăng trưởng này một phần do nhu cầu xây dựng các công trình lớn của Nhà nước, một phần nhờ vào nhu cầu xây dựng của các thành phần kinh tế khác. Theo báo cáo của Chính phủ thì kế hoạch vốn phục vụ cho nhu cầu xây dựng gia tăng hàng năm, tuy nhiên, với tốc độ tăng vốn như vậy vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của thực trạng xã hội. Để dễ hình dung sự phát triển này, chúng ta có thể nhìn thấy sự xuất hiện mới của các công trình xây dựng ở bất cứ nơi đâu trên khắp đất nước.

Tại khu vực Miền Trung, nơi mà hai thập niên trước đây, người ta có cảm giác rằng thật hiếm thấy những công trình mới ra đời trên mảnh đất nghèo khó này, thì bây giờ, người ta nhận thấy rằng, khu vực này là một đại công trường với dày đặc các khu công nghiệp, các thành phố mới ra đời, các nhà máy thủy điện, thủy lợi, cảng biển...

Ngoài việc đầu tư cho ngành xây dựng bằng vận động nguồn nội lực của cả nước, sự giúp đỡ của Quốc tế dành cho Việt Nam cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi diện mạo các cơ sở hạ tầng. Nguồn vốn ODA từ các nước dành cho Việt Nam tăng hàng năm, Quỹ tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới không ngừng tài trợ cho nước ta, tốc độ giải ngân cũng tăng hàng năm, kéo theo là sự đầu tư của nhiều tập đoàn kinh tế lớn, công ty đa quốc gia vào Việt nam, đã làm cho tốc độ phát triển chung của ngành xây dựng tăng trưởng không ngừng. Đặc biệt là sau khi quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ được bình thường hoá, một làn sóng đầu tư của các doanh nghiệp Hoa Kỳ, cũng như các nước

phương Tây đổ vào Việt Nam, tạo ra cơ hội mới cho ngành Xây dựng phát triển, cả về chất lẫn về lượng.

### **9.3 Đánh giá sự phù hợp giữa định hướng phát triển của Công ty với xu thế chung và triển vọng phát triển của Công ty:**

Căn cứ vào tình hình phát triển chung của Ngành Xây dựng, nguồn vốn đầu tư phục vụ cho quá trình phát triển cơ sở hạ tầng của đất nước, cả nội lực lẫn ngoại lực, nhận thấy rằng, chiến lược và định hướng phát triển của công ty phù hợp với xu thế chung của thị trường là ổn định và phát triển. Một điều đáng lưu ý, để đạt được mục tiêu chiến lược này, công ty phải đảm bảo thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra hàng năm, không chỉ giữ vững khách hàng truyền thống, mà còn gia tăng thị phần tương ứng với mục tiêu dài hạn.

Dựa trên những ưu thế sẵn có của Công ty cùng với khách hàng truyền thống, Công ty tăng cường thu thập thông tin, tiếp cận với các khách hàng tiềm năng, mở rộng thị trường, phần đầu chiếm hơn 70% thị phần bê tông thương phẩm tại thị trường Đà Nẵng. Xí nghiệp bê tông Chu Lai, ngoài việc cung cấp bê tông cho thị trường Khu kinh tế mở Chu Lai và tỉnh Quảng Nam, hiện đang tăng cường mở rộng thị trường tại Khu công nghiệp Dung Quất và thành phố Quảng Ngãi.

Công ty đầu tư mua mới thêm máy bơm ngang hiệu Putzmeiter công suất 97/57m<sup>3</sup>/h, có khả năng bơm bê tông đạt chiều cao trên 200m (tương đương với nhà cao 60 tầng) trong năm 2007, nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp bê tông cho các dự án nhà cao tầng tại thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi. Từ nay đến năm 2010, sẽ đầu tư mua thêm khoảng 05 xe vận chuyển bê tông, mở rộng sản xuất, đáp ứng yêu cầu cùng một lúc cung cấp bê tông cho nhiều khách hàng.

Thương hiệu “Bê tông Hoà Cẩm, Bê tông Chu Lai” trước đây và hiện nay đã được rất nhiều khách hàng cả nước biết đến, nhất là khu vực miền Trung, tạo thuận lợi cho Công ty trong việc mở rộng thị trường, nâng cao uy tín.

## **10. Chính sách đối với người lao động**

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định thành quả của quá trình sản xuất – kinh doanh và phát triển của Công ty, chính vì vậy, Công ty luôn tìm kiếm cách thức và khả năng cao nhất có thể được, để chăm lo đời sống vật chất, và tinh thần của CBCNV. Trong những năm qua, số lượng lao động tăng dần, năm sau cao hơn năm trước. Kết quả này có được không chỉ vì thành quả của sản xuất – kinh doanh, mà một phần nhờ vào chính sách quan tâm đến người lao động của Công ty.

### **10.1 Số lượng người lao động trong công ty**

|                                     | 2005  | 2006  | 2007  |
|-------------------------------------|-------|-------|-------|
| Tổng số CBCNV                       | 98    | 100   | 103   |
| Mức thu nhập bình quân (Triệu đồng) | 2,075 | 2,639 | 2,686 |
| Phân theo giới tính                 |       |       |       |

|                                     |    |    |    |
|-------------------------------------|----|----|----|
| • Nữ                                | 11 | 11 | 10 |
| • Nam                               | 87 | 89 | 93 |
| Phân theo trình độ chuyên môn       |    |    |    |
| • Đại học                           | 15 | 15 | 16 |
| • Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp | 13 | 13 | 13 |
| • Lao động phổ thông                | 70 | 72 | 74 |
| Phân theo thời hạn hợp đồng         |    |    |    |
| • Không xác định                    | 8  | 9  | 10 |
| • Có xác định thời hạn              | 90 | 91 | 90 |

(Nguồn: Trích dẫn từ Công ty Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm)

## 10.2 Chính sách đối với người lao động

### 10.2.01 Chế độ làm việc:

- **Thời gian làm việc:** Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Tuy nhiên, khi có yêu cầu đáp ứng tiến độ các công trình, công nhân sẽ làm thêm giờ và Công ty có chính sách đảm bảo quyền lợi, cũng như đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động, đồng thời tuân thủ các quy định của Luật lao động.

- **Nghỉ Lễ, Tết, phép:** Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

- **Điều kiện làm việc:** Đối với lao động gián tiếp, công ty cố gắng cải tạo các phòng làm việc một cách khoa học, khang trang; đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

### 10.2.02 Chính sách đào tạo:

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty. Ngoài ra, để đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực phù hợp với quá trình hoạt động của Công ty, chính sách nguồn nhân lực đảm bảo có các biện pháp để xác định, cung cấp các nguồn lực và thực hiện chương trình đào tạo cần thiết để CBCNV, những người thực hiện các công việc ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm dịch vụ do Công ty cung cấp, có đầy đủ năng lực, kỹ năng và kinh nghiệm thích hợp để hoàn thành những nhiệm vụ được giao.

### 10.2.03 Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

#### • Chính sách lương:

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng

với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người, cùng các chế độ quy định của Nhà nước. Đối với lao động trong Công ty được xếp theo thang bảng lương của Nhà nước tại Nghị định 203, 205 của Chính phủ. Ngoài chế độ lương cơ bản người lao động còn được hưởng lương năng suất theo đơn giá tiền lương đã được HĐQT phê duyệt.

- **Chính sách thưởng:**

- Ngoài việc trả lương tháng 13 hàng năm cho người lao động, để đảm bảo tính công bằng và đặc biệt khuyến khích tinh thần lao động, đóng góp cho quá trình phát triển của Công ty, hàng Quý, công ty đều xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỹ luật để khen thưởng.

- Công ty còn xây dựng quỹ khen thưởng đặc biệt của Giám đốc, để khen thưởng đột xuất, kịp thời đối với các cá nhân, tập thể có sáng kiến trong lao động sản xuất, hoặc đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành công trình kịp thời, đúng hạn.

- **Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:**

- Quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ.

- Các ngày lễ trong năm ngoài chế độ nghỉ theo quy định, Công ty đều có quà biếu cho tất cả CBCNV, hay từng đối tượng phù hợp. Ngoài ra, các ngày Trung thu, ngày Một tháng Sáu, công ty cũng tặng quà cho con em CBCNV.

- Khi điều kiện sản xuất cho phép Công ty thường tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV trung bình 2 năm/lần; trong trường hợp không có điều kiện tổ chức chung, Công ty sẽ cấp tiền để họ tự tổ chức.

- Định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho CBCNV theo đúng quy định.

Dù đã cố gắng thật nhiều để thực hiện các chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động trong những năm qua, song Công ty nhận thấy vẫn chưa thoả mãn với mong mỏi dành cho người lao động thật nhiều phúc lợi và sự chăm sóc tốt hơn.

## 11. Chính sách cổ tức

Cổ tức của Công ty được tính trên cơ sở số vốn góp của cổ đông, thời điểm góp vốn và tỷ lệ cổ tức do Hội đồng quản trị quyết định thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.

Cổ tức được chi trả qua hai năm 2005 và 2006:

| Chỉ tiêu                  | Năm 2005      | Năm 2006      |
|---------------------------|---------------|---------------|
| 1. Giá trị cổ tức chi trả | 2.944.755.812 | 2.865.155.149 |
| 2. Tỷ lệ cổ tức chi trả   | 20,4 %        | 20 %          |

(Nguồn: Trích dẫn từ Công ty Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm)

\* Lợi nhuận sau thuế năm 2005 được thông qua Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ thường niên ngày 15/04/2006 đã quyết định trích lập các quỹ và phân phối cổ tức năm 2005 như sau:

|  |                  |
|--|------------------|
| - Quỹ dự phòng tài chính (5%):   | 177.456.903 đồng |
| - Quỹ phúc lợi (4%) :  | 142.125.513 đồng |
| - Quỹ khen thưởng (13,81%):  | 490.244.754 đồng |
| - Quỹ đầu tư và phát triển: sử dụng toàn bộ tiền thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn năm 2005 bổ sung tăng quỹ Đầu tư và phát triển: 456.933.087 đồng   |                  |
| - Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát (1%):  | 35.491.381 đồng  |
| - Cổ tức chi trả năm 2005: sau khi trích lập các quỹ, Lợi nhuận sau thuế còn lại được phân phối cổ tức cho cổ đông. (Cụ thể: Lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2005 sau khi trừ các quỹ là: 2.931.271.147 đồng và Lợi nhuận sau thuế năm trước còn lại chưa chia hết là: 13.484.665 đồng) |                  |

\* Lợi nhuận sau thuế năm 2006 được thông qua Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐ thường niên ngày 14/04/2007 đã quyết định trích lập các quỹ và phân phối cổ tức năm 2006 như sau:

|   |                         |
|---|-------------------------|
| - Quỹ dự phòng tài chính (5%):  | 220.798.408 đồng        |
| - Quỹ phúc lợi (4%) :   | 212.382.901 đồng        |
| - Quỹ khen thưởng (13,81%):   | 609.845.202 đồng        |
| - Quỹ đầu tư và phát triển:   | 947.929.107 đồng        |
| <i>Trong đó: - Trích từ lợi nhuận sau thuế:</i>   | <i>441.596.875 đồng</i> |
| <i>- Tiền thuế TNDN được miễn giảm:</i>   | <i>506.332.232 đồng</i> |
| - Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát (1,5%):   | 73.834.505 đồng         |
| - Cổ tức chi trả năm 2006: sau khi trích lập các quỹ, số tiền còn lại phân phối cổ tức cho cổ đông. |                         |
| <i>Trong đó: - Cổ tức chi bằng tiền mặt:</i>  | <i>15%</i>              |
| <i>- Cổ tức chi bằng cổ phiếu:</i>  | <i>5%</i>               |

## 12. Tình hình hoạt động tài chính

### 12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### 12.1.1. Trích khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

\* Nguyên giá TSCĐ được phản ánh theo giá thực tế.

\* Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp trực tuyến dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính,

|                                   | Tỷ lệ khấu hao năm (%) |
|-----------------------------------|------------------------|
| ◆ Nhà cửa, vật kiến trúc          | 10                     |
| ◆ Máy móc thiết bị                | 10 – 15                |
| ◆ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 8 – 16                 |
| ◆ Thiết bị dụng cụ quản lý        | 12,5 – 20              |



**12.1.2. Mức lương bình quân**

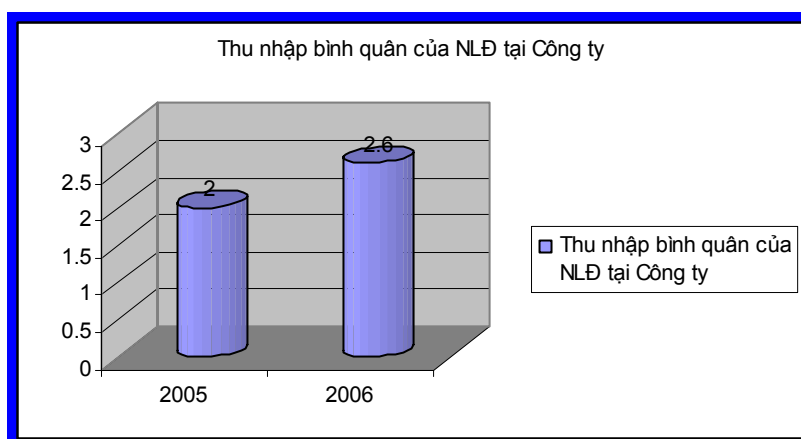
Quỹ lương của Công ty được xác định trên cơ sở đơn giá tiền lương do Hội đồng quản trị phê duyệt: 56,28 đồng tiền lương/1.000 đồng Doanh thu thực hiện.

Thu nhập bình quân của Công ty trong những năm qua và hiện nay so với doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn là tương đối ổn định và tăng đều qua các năm. Điều này góp phần không nhỏ cho việc đảm bảo thu nhập của CBCNV Công ty được cải thiện.

*Đơn vị tính: đồng*

| Năm 2005         | Năm 2006         |
|------------------|------------------|
| 2.075.000đ/tháng | 2.639.000đ/tháng |

*(Nguồn: Trích dẫn từ Công ty Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm)*

**12.1.3. Tình hình công nợ của Công ty (2005, 2006 và 6 tháng đầu năm 2007)**

*Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu                              | Năm 2005              | Năm 2006              | 6 tháng đầu Năm 2007  |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>1. Các khoản phải thu</b>          | <b>25.022.760.494</b> | <b>19.472.064.417</b> | <b>21.434.210.586</b> |
| - Phải thu của khách hàng             | 21.010.258.237        | 18.848.534.672        | 21.008.789.436        |
| - Trả trước cho người bán             | 3.976.236.707         | 507.264.195           | 371.046.600           |
| Các khoản phải thu khác (*)           | 184.500.000           | 264.500.000           | 202.609.000           |
| - Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | (148.234.450)         | (148.234.450)         | (148.234.450)         |
| <b>2. Các khoản phải trả</b>          | <b>24.922.812.921</b> | <b>18.167.915.165</b> | <b>15.887.140.556</b> |
| <b>2.1 Nợ ngắn hạn</b>                | <b>23.146.551.903</b> | <b>17.710.501.408</b> | <b>15.137.390.799</b> |

|                                       |                      |                    |                    |
|---------------------------------------|----------------------|--------------------|--------------------|
| - Vay và nợ ngắn hạn                  | 4.465.171.557        | 5.403.501.234      | 3.520.137.899      |
| Phải trả cho người bán                | 9.837.198.644        | 7.302.678.746      | 7.410.346.478      |
| - Người mua trả tiền trước            | 8.201.008.000        | 4.374.568.000      | 3.869.260.801      |
| - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 585.163.820          | 201.827.776        | 10.452.026         |
| - Phải trả công nhân viên (**)        | -                    | 376.375.946        | 191.963.045        |
| - Chi phí phải trả                    | 64.800               | -                  | -                  |
| - Các khoản phải trả phải nộp khác    | 57.945.082           | 51.549.706         | 135.230.550        |
| <b>2.2 Nợ dài hạn</b>                 | <b>1.776.261.018</b> | <b>457.413.757</b> | <b>749.749.757</b> |
| - Vay và nợ dài hạn                   | 1.329.583.026        | -                  | 295.000.000        |
| - Dự phòng trợ cấp mất việc làm       | 446.677.992          | 457.413.757        | 454.749.757        |

( Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2005, 2006 và 6 tháng đầu năm 2007 đã được Công ty AAC kiểm toán)

Các khoản phải thu của Công ty năm 2006 thấp hơn năm 2005, giảm còn 19.472.064.417 đồng, trong khi doanh thu tăng. Điều này cho thấy công tác thu hồi công nợ của công ty trong năm 2006 là có hiệu quả. Sáu tháng đầu năm 2007, công nợ phải thu khách hàng có cao hơn cuối năm 2006; lý do, tại thời điểm này tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang trong giai đoạn cao điểm, khối lượng bê tông bán ra phần lớn thường tập trung nhiều vào quý 2 và quý 3 của năm. Nhờ thu hồi công nợ tốt nên Công ty thanh toán cho khách hàng tương đối nhanh. Vay dài hạn của công ty đến năm 2006 đã trả hết; 6 tháng đầu năm 2007, vay dài hạn 295 triệu đồng để đầu tư mua xe phục vụ sản xuất.

Tại biên bản làm việc ngày 18/06/2007, giữa Công ty Cổ Phần Bê Tông Hoà Cẩm và Công ty Xây Dựng Quảng Nam - TNHH Một Thành Viên (gọi tắt là Công ty Xây Dựng Quảng Nam ) đã thống nhất, đồng ý chuyển số tiền do Công ty Xây Dựng Quảng Nam nợ tiền mua bê tông là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) sang khoản nợ vay dài hạn và chịu tính lãi vay (lãi suất được áp dụng theo lãi suất vay dài hạn của Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Đà Nẵng). Và ngày 01/07/2007, Công ty đã ký kết Hợp đồng số 01/HĐVDH-CT về việc cho Công ty Xây Dựng Quảng Nam vay dài hạn số tiền là: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Công ty Xây Dựng Quảng Nam cam kết trả nợ gốc và lãi vay khi có nguồn thu và chủ động trả nợ cho Công ty. Đồng thời, tiền cổ tức (nếu có) được Công ty chi trả hàng năm cho Công ty Xây Dựng Quảng Nam sẽ được bù trừ dần vào tiền nợ vay dài hạn và lãi vay.

Khoản mục Phải trả công nhân viên (\*\*): là quỹ tiền lương còn lại của Công ty dùng để trả lương tháng 13 và dự trữ sang năm sau khi công việc ít, nhằm ổn định thu nhập cho người lao động.

Giải thích : Chỉ tiêu “**Các khoản phải thu khác**” (\*), tại ngày 01/01/2005 là 515.262.978 đồng, nguyên nhân do chỉ tiêu “**Tạm ứng**” là 114.563.778 đồng và chỉ tiêu

“Các khoản thế chấp thế chấp ký cược, ký quỹ ngắn hạn” là 216.199.200 đồng được chuyển sang chỉ tiêu “Các khoản phải thu khác” tại 01/01/2005.

Chỉ tiêu “Các khoản phải thu khác” (\*) tại ngày 31/12/2005 là 406.284.512 đồng, tại ngày 01/01/2006 là 184.500.000 đồng, giảm 221.784.512 đồng, do phân loại sang chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác”.

Việc phân loại các khoản mục như trên là phù hợp với quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài Chính.

#### 12.1.4. Trích lập các quỹ

- Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp được trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

- Việc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: lợi nhuận trong năm sau khi trừ các khoản vào lợi nhuận sau thuế, Công ty tiến hành phân phối cụ thể như sau:

+ Quỹ dự phòng tài chính 5%

+ Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi: 17,81%

+ Phần còn lại chia cổ tức và trích thêm vào quỹ đầu tư (nếu có) được thông qua theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên hàng năm.

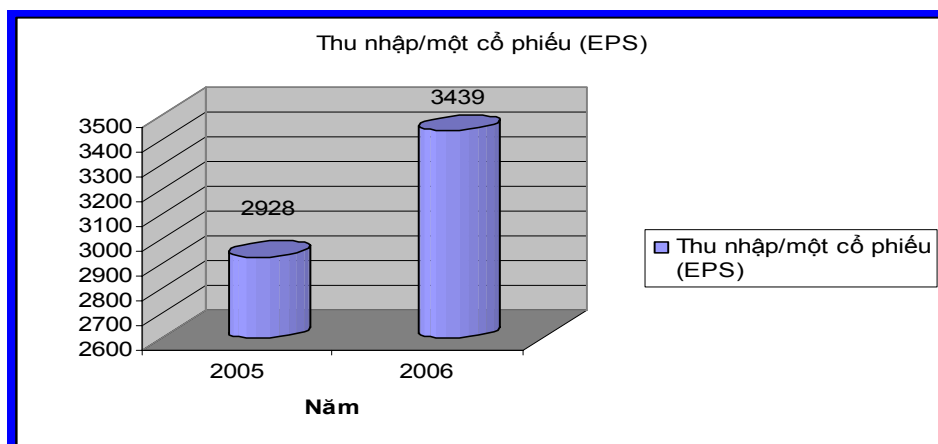
- Toàn bộ số thuế TNDN được miễn trong các năm được bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển.

#### 12.2. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu (năm 2005 và năm 2006)

| Chỉ tiêu   | Đơn vị tính | Năm 2005 | Năm 2006 |
|--|-------------|----------|----------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                          |             |          |          |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)                     | lần         | 1,48     | 1,69     |
| - Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn         | lần         | 1,12     | 1,14     |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                   |             |          |          |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản  | %           | 51,46    | 41,55    |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu  | %           | 49,07    | 58,45    |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                           |             |          |          |
| - Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | vòng        | 5,77     | 5,56     |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản                                     | %           | 88,27    | 132,08   |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                            |             |          |          |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                         | %           | 9,8      | 8,52     |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                          | %           | 17,63    | 19,26    |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                            | %           | 8,65     | 11,26    |

|                                   |  |       |       |
|-----------------------------------|--|-------|-------|
| - Thu nhập/một cổ phiếu (EPS) (*) |  | 2.928 | 3.439 |
|-----------------------------------|--|-------|-------|

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2005 và năm 2006 đã được Công ty AAC kiểm toán)



Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty, qua 2 năm liên tục, luôn ở mức tương đối ổn định, hệ số thanh toán nhanh cũng tương tự. Nói chung, cả hai hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty, qua các năm đều > 1, cho chúng ta đánh giá được khả năng thanh toán của Công ty là khá tốt.

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của công ty có chiều hướng tốt, Hệ số nợ/Tổng tài sản trong năm 2005 còn cao so với yêu cầu, nhưng vẫn an toàn và đặc biệt năm 2006, hệ số này đã đạt mức ưu điểm. Nguyên nhân là cuối năm 2003, Công ty đã đầu tư mới mở rộng địa bàn hoạt động tại Khu kinh tế mở Chu Lai và đã vay vốn tại Ngân hàng. Dự kiến năm 2007, khoản nợ vay dài hạn sẽ được thanh toán hết. Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu càng cùng cổ hơn cho nhận định trên, năm 2005 là 49,07% và năm 2006 có cao hơn năm trước, nhưng vẫn ở mức an toàn. Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác, chúng ta lại thấy ưu điểm của Công ty là khả năng khai thác vốn có hiệu quả.

Nhóm các chỉ tiêu về năng lực hoạt động cho biết năng lực hoạt động của Công ty trong các năm qua là khá tốt. Vòng quay hàng tồn kho khá ổn định, năm 2005 là 5,77 vòng, năm 2006 đạt 5,56 vòng. Cần phải nói thêm rằng, trong những năm gần đây, mức độ cạnh tranh thị trường cao, vì ngày càng nhiều đơn vị cùng ngành nghề ra đời, hơn nữa, tình hình đóng băng của thị trường bất động sản phần nào đã tác động đến năng lực hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản qua các năm đều tăng, từ 88,27% năm 2005 lên 132,08%, năm 2006. Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động, như trình bày ở bảng trên, cho thấy khả năng quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khá tốt, nhờ vậy hệ số quay vòng vốn luôn ở mức ổn định, tiết kiệm được chi phí lãi vay cũng như các chi phí vốn khác.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty tương đối cao thể hiện năng lực hoạt động và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) cả 2 năm: năm 2005 và 2006 đều cao, năm sau cao hơn năm trước. Đồng thời Hệ số ROE ở mức là 19,26 (năm 2006) cao so với nhiều doanh nghiệp hiện nay. Chính điều này cũng góp phần làm cho thu nhập trên mỗi cổ phiếu cũng tăng lên từ 2.928 đồng/CP năm 2005, lên 3.439 đồng/CP năm 2006. Cụ thể:

$$\text{Thu nhập/ một cổ phiếu (EPS)} (*) = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}}$$

EPS(\*): Đã loại trừ cổ phiếu quỹ:

+ Năm 2005: 105.450 CP quỹ.

+ Năm 2006: 119.850 CP quỹ.

Năm 2005, Vốn điều lệ của Công ty là: 15.512.000.000 đồng, trong đó cổ phiếu quỹ là: 1.054.500.000 đồng. Do đó:

$$\text{Thu nhập/ một cổ phiếu (EPS) năm 2005} = \frac{4.233.522.785}{(1.551.200 - 105.450)} = 2.928 \text{ đồng/cổ phần}$$

Năm 2006, Vốn điều lệ của Công ty là: 15.512.000.000 đồng, trong đó cổ phiếu quỹ là: 1.198.500.000 đồng. Do đó:

$$\text{Thu nhập/ một cổ phiếu (EPS) năm 2006} = \frac{4.922.300.388}{(1.551.200 - 119.850)} = 3.439 \text{ đồng/cổ phần}$$

Với số liệu thể hiện ở bảng trên cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khá tốt.

### 12.3. Giải thích một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính

#### \* Về sự chênh lệch số liệu cuối năm 2005 đầu năm 2006

Báo cáo tài chính 2005 và năm 2006 của Công ty đã được Công ty AAC kiểm toán có sự không thống nhất giữa các chỉ tiêu tài sản ngắn hạn, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn là do việc áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp mới được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán đã được trình bày lại cho phù hợp với quy định hiện hành.

#### \* Về sự biến động của Cổ phiếu quỹ

| Chỉ tiêu  | Năm 2005      | Năm 2006      | 30/06/2007 |
|---|---------------|---------------|------------|
| 1. Giá trị cổ phiếu quỹ (đồng)                  | 1.054.500.000 | 1.198.500.000 | 0          |
| 2. Số lượng cổ phần (theo mệnh giá 10.000 đồng) | 105.450       | 119.850       |            |

Công ty CP Bê Tông Hoà Cẩm đã cổ phần hoá năm 2002, theo Nghị định 64, do đó, CBCNV được mua cổ phần theo mệnh giá. Đồng thời, theo cam kết, người lao động rời khỏi Công ty do nhu cầu cá nhân xin chuyển công tác hoặc buộc thôi việc tại Công ty Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm hoặc Công ty Xây Dựng Quảng Nam – TNHH 1 Thành

Viên, đều phải chuyển nhượng 100% cổ phiếu cho tổ chức Công đoàn Công ty CP Bê Tông Hoà Cẩm theo giá thoả thuận của hai bên.

Năm 2005, theo cam kết nói trên, người lao động rời khỏi Công ty đã bán cổ phiếu của mình cho tổ chức Công đoàn, nhưng tổ chức Công đoàn không có nguồn để mua số cổ phần này, đồng thời, người lao động cũng muốn bán theo giá thoả thuận, nên Công ty buộc phải mua lại số cổ phần này (105.450 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng). Tổng giá trị Công ty đã mua lại theo giá thoả thuận số cổ phần trên là 878.250.000 đồng. Do vậy chênh lệch giữa cổ phiếu Công ty đã phát hành và cổ phiếu được mua lại là **176.250.000 đồng (1)**.

Năm 2006, cũng theo cam kết trên, Công ty đã mua lại 14.400 cổ phần theo giá thoả thuận đúng bằng mệnh giá (10.000 đ/CP), với tổng giá trị là 144.000.000 đồng. Vậy cổ phiếu quỹ của Công ty tại thời điểm 31/12/2006 là: **1.198.500.000 đồng**.

Nguồn để mua số cổ phiếu quỹ trên được trích từ Quỹ đầu tư & Phát triển, cụ thể:

|                             | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Cổ phiếu<br>ngân quỹ<br>VND | Vốn khác<br>của CSH<br>VND |
|-----------------------------|---------------------------------|-----------------------------|----------------------------|
| <b>Năm 2005</b>             |                                 |                             |                            |
| Số đầu năm                  | 1.175.775.528                   | (878.250.000)               | 4.430.572.560              |
| Tăng trong năm              | -                               | -                           | 37.500.000                 |
| Giảm trong năm              |                                 | -                           |                            |
| <b>Số cuối năm</b>          | <b>1.175.775.528</b>            | <b>(878.250.000)</b>        | <b>4.468.072.560</b>       |
| <b>Năm 2006</b>             |                                 |                             |                            |
| Số đầu năm                  | 1.175.775.528                   | (878.250.000)               | 4.468.072.560              |
| Tăng trong năm              | 963.265.319                     | (144.000.000)               | -                          |
| Giảm trong năm              | -                               |                             | -                          |
| <b>Số cuối năm</b>          | <b>2.139.040.847</b>            | <b>1.022.250.000)</b>       | <b>4.468.072.560</b>       |
| <b>6 tháng đầu năm 2007</b> |                                 |                             |                            |
| Số đầu năm                  | 2.139.040.847                   | 1.022.250.000               | 4.468.072.560              |
| Tăng trong năm              | 660.239.100                     |                             | 2.700.336.921              |
| Giảm trong năm              | 2.700.336.921                   | 1.022.250.000               | -                          |
| <b>Số cuối năm</b>          | <b>98.943.026</b>               | <b>0</b>                    | <b>7.168.409.481</b>       |

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2005, năm 2006 và 6 tháng đầu năm 2007 đã được Công ty AAC kiểm toán)

Với nguồn vốn từ Quỹ Đầu tư & Phát triển của Công ty qua các năm 2005 và 2006, Công ty đủ khả năng mua lại số cổ phiếu mà người lao động bán lại theo giá thoả thuận. Năm 2005 và năm 2006, Công ty chưa kết chuyển nguồn kịp thời, do đó trong 6 tháng đầu năm 2007, Công ty đã kết chuyển từ nguồn Quỹ đầu tư & Phát triển sang nguồn Vốn khác của CSH là: 2.700.336.921 đồng (trong đó nguồn vốn dùng để mua lại số Cổ phiếu quỹ là: 1.022.250.000 đồng; số tiền còn lại: 1.678.086.921 đồng, Công ty dùng để đầu tư mua xe vận chuyển bê tông, máy móc thiết bị khác ...).

**\* Về thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm 30/06/2007 tăng 775.500.000 đồng so với 31/12/2006**

Cũng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2006 ngày 14/04/2007 (tại Điều IV), đã quyết định bán số cổ phiếu quỹ Công ty đang sở hữu là: **1.198.500.000**

**đồng (Bằng chữ: Một tỷ một trăm chín mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng chẵn)** cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ vốn góp, với mức giá 1,5 lần so với mệnh giá cổ phiếu.

Sau khi bán hết số cổ phiếu trên, Công ty đã thu được thặng dư vốn cổ phần là: **599.250.000 đồng (2)**

Vậy thặng dư vốn cổ phần của Công ty khi bán hết cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ ngày 14/04/2007 là: (1) + (2) : **775.500.000 đồng.**

**\*Giải thích về việc vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ) tại thời điểm 30/06/2007 tăng 716.020.000 đồng so với 31/12/2006**

Kết thúc năm 2006, khi quyết toán năm tài chính Công ty Cổ phần Bê tông Hòa Cẩm có lợi nhuận sau thuế là: 4.922.300.388 đồng, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2006 ngày 14/4/2007 quyết định chia cổ tức cho cổ đông là 20%. Xét thấy Công ty có đủ nguồn để phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu bằng nguồn cổ tức, Đại hội đã thông qua Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐ tại khoản 7 Điều 1 quyết định chia cổ tức cụ thể là:

+ 15% cổ tức trả bằng tiền mặt : **2.149.135.149 đồng;**  
 + 5 % cổ tức trả bằng cổ phiếu : 716.020.000 đồng (là số tiền còn lại sau khi trích lập các quỹ của năm 2006).

Vì vậy Vốn điều lệ (vốn đầu tư của chủ sở hữu) của Công ty sau khi chia cổ tức bằng cổ phiếu sẽ là: 15.512.000.000 + 716.020.000 = **16.228.020.000 đồng.**

(Việc tăng vốn điều lệ của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán AAC kiểm toán đến thời điểm 30/06/2007).

### **13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát**

#### **Hội đồng quản trị**

|                     |                                  |
|---------------------|----------------------------------|
| Ông : Hồ Minh Đức   | - Chủ tịch Hội đồng quản trị     |
| Ông : Nguyễn Hữu Kỳ | - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Ông : Lê Chấn       | - Ủy viên Hội đồng quản trị      |
| Ông : Phạm Bá Cường | - Ủy viên Hội đồng quản trị      |
| Ông : Phan Ngọc Bảo | - Ủy viên Hội đồng quản trị      |

#### **Ban giám đốc**

|                          |                  |
|--------------------------|------------------|
| Ông : Thái Ngọc Quang    | - Giám đốc       |
| Ông : Ngô Văn Long       | - Phó giám đốc   |
| Ông : Phạm Văn Toàn      | - Phó giám đốc   |
| Bà : Nguyễn Thị Ngọc Anh | - Kế toán trưởng |

#### **Ban kiểm soát**

|                     |                        |
|---------------------|------------------------|
| Ông : Nguyễn Đình   | - Trưởng Ban kiểm soát |
| Ông : Lê Khắc Dương | - Thành viên           |
| Ông : Chế Bồng Ban  | - Thành viên           |

## **SƠ YẾU LÝ LỊCH TÓM TẮT**

**13.1 Hội đồng quản trị:****a. Họ và tên**

|   |   |
|---|---|
|   | : <b>HỒ MINH ĐỨC</b>  |
| Chức vụ công tác hiện nay               | : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty  |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : Ủy viên HĐQT Công ty Xây dựng Quảng Nam TNHH một thành viên<br>: Giám đốc Xí nghiệp Xây Dựng Số 01 thuộc Công ty Xây Dựng Quảng Nam–TNHH Một Thành Viên                       |
| Giới tính                               | : Nam   |
| Ngày tháng năm sinh                     | : 11/01/1961  |
| Nơi sinh                                | : Tam Xuân – Tam Kỳ - Quảng Nam   |
| Quốc tịch                               | : Việt Nam  |
| Dân tộc                                 | : Kinh  |
| CMND                                    | : 200893297   |
| Ngày cấp                                | : 27/12/1978  |
| Nơi cấp                                 | : Công An Quảng Nam Đà Nẵng   |
| Địa chỉ thường trú                      | : 29 Hà Huy Tập – TP Đà Nẵng  |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan           | : 0511- 219309 ; Điện thoại DD: 0913 404 478  |
| Trình độ văn hoá                        | : 12/12   |
| Trình độ chuyên môn                     | : Kỹ sư Xây dựng dân dụng & công nghiệp<br>Cử nhân Chính trị  |
| Quá trình công tác                      | :   |
| Từ năm 1961 đến 1971                    | : Còn nhỏ, học cấp I tại Trường cấp I Tam Xuân – Núi Thành - Quảng Nam.   |
| Từ năm 1971 đến 1975                    | : Học sinh Trường PTCS Trần Cao Vân – Tam Kỳ  |
| Từ năm 1975 đến 1978                    | : Học sinh Trường PTH Trần Cao Vân-Tam Kỳ   |
| Từ năm 1978 đến 1983                    | : Học sinh Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng   |
| Từ 02/1983 đến 06/1983                  | : Học Sĩ quan dự bị Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng  |
| Từ 07/1983 đến 08/1985                  | : Cán bộ kỹ thuật Công ty VLXD & Xây Lắp III - Bộ Nội Thương  |
| Từ 08/1983 đến 08/1988                  | : Đi bộ đội tại Trường Quân Chính II – Quân Khu V, chức vụ: Thượng úy   |
| Từ 08/1988 đến 03/1997                  | : Chuyển ngành về Công ty VLXD & Xây Lắp III - Bộ Nội Thương, chức vụ: Đội trưởng   |
| Từ 03/1997 đến 06/2000                  | : Công tác tại Công ty Đầu tư & Xây dựng đô thị Quảng Nam, chức vụ: Đội trưởng  |
| Từ 06/2000 đến 10/2004                  | : Giám đốc Xí nghiệp Xây Dựng Số 1 thuộc Công ty Xây Dựng Quảng Nam – TNHH 1 Thành Viên   |
| Từ 11/2004 đến 03/2005                  | : Ủy viên Hội đồng quản trị; Giám đốc Xí nghiệp Xây Dựng Số 1 thuộc Công ty Xây Dựng Quảng Nam – TNHH 1 Thành Viên; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Bê Tông Hoà Cẩm. |
| Bằng cấp                                | : Đại học   |
| Hành vi vi phạm pháp luật               | : Không   |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:        | Không   |
| Cổ phần sở hữu                          | : 18.943 cổ phần ( cổ phần cá nhân )  |



Tỉ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 1,167%

Tỉ lệ sở hữu của những người liên quan: Lưu Thị Loan (vợ): 0.378% (6.130 cổ phần)

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

- b. Họ và tên** : **NGUYỄN HỮU KỲ**
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Xây Dựng Quảng Nam–TNHH Một Thành Viên
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 29/01/1966
- Nơi sinh : Tam Thái – Tam Kỳ - Quảng Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- CMND : 200884819
- Ngày cấp : 11/07/1998
- Nơi cấp : Công An Đà Nẵng
- Quê quán: : Tam Thái – Tam Kỳ - Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : 27/10 Nguyễn Thành Hãn – Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0511- 219694 Điện thoại DD: 0913 401 887
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng dân dụng & công nghiệp  
Cử nhân Chính trị
- Quá trình công tác :
- Từ năm 1978 đến 1982 : Học sinh Trường PTCS Nguyễn Huệ - Đà Nẵng
- Từ năm 1982 đến 1985 : Học sinh Trường PTTH Phan Châu Trinh – Đà Nẵng
- Từ năm 1985 đến 1987 : Đi nghĩa vụ quân sự tại Lữ đoàn 126 Hải quân
- Từ năm 1987 đến 1992 : Học đại học Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng
- Từ năm 1992 đến 09/1995 : Công tác tại Công ty Hợp doanh xây lắp và kinh doanh nhà QNĐN
- Từ 10/1995 đến 12/1996 : Cán bộ Kỹ thuật Công ty Phát triển Đô thị & Khu công nghiệp QNĐN
- Từ năm 1997 đến 06/1998 : Trưởng phòng Dự án Công ty Đầu tư & Xây dựng Đô thị Quảng Nam
- Từ 07/1998 đến 12/2002 : Phó Giám đốc Công ty Xây Dựng Quảng Nam; Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Bê Tông Hoà Cẩm
- Từ năm 2003 đến nay : Tổng giám đốc Công ty Xây Dựng Quảng Nam TNHH Một Thành Viên; Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Bê Tông Hoà Cẩm.
- Bằng cấp : Đại học
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Cổ phần sở hữu : 19.510 cổ phần ( cổ phần cá nhân )
- Tỉ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 1,202 %

Tỉ lệ sở hữu của những người liên quan : Nguyễn Hữu An (em ruột): 0,082%  
(1.325 cổ phần)  
Các khoản nợ đối với Công ty : Không

**c. Họ và tên** : **LÊ CHẤN**  
 Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty,  
 Chức vụ đang nắm giữ ở các : Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước thuộc Công ty  
 tổ chức khác : Xây Dựng Quảng Nam–TNHH 1 Thành Viên  
 Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 20/12/1955  
 Nơi sinh : Duy Hoà – Duy Xuyên - Quảng Nam  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 CMND : 200022424  
 Ngày cấp : 08/01/1994  
 Nơi cấp : Công An Quảng Nam Đà Nẵng  
 Quê quán : Duy Hoà – Duy Xuyên - Quảng Nam  
 Địa chỉ thường trú : 538 Núi Thành – TP Đà Nẵng  
 Điện thoại liên lạc : 0903 504 160  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện  
 Cử nhân Chính trị

Quá trình công tác :  
 Từ năm 1955 đến 1968 : Ở quê, đi học, làm nông  
 Từ năm 1968 đến 1975 : Học sinh Trường học sinh miền Nam số 1 Đông  
 Triều - Quảng Ninh  
 Từ năm 1975 đến 1977 : Học sinh Trường cấp III Duy Xuyên - Quảng  
 Nam  
 Từ năm 1977 đến 05/1982 : Học đại học Trường Đại học Bách Khoa Đà  
 Nẵng  
 Từ 10/1982 đến 05/1997 : Làm việc tại Xí nghiệp sửa chữa ô tô T100  
 Từ 06/1997 đến 05/2006 : Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước thuộc Công ty  
 Xây Dựng Quảng Nam -TNHH Một Thành Viên  
 Từ 06/2006 đến nay : Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước thuộc Công ty  
 Xây Dựng Quảng Nam -TNHH Một Thành  
 Viên; Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ  
 phần Bê Tông Hoà Cẩm

Bằng cấp : Đại học  
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không  
 Cổ phần sở hữu : 14.175 cổ phần ( cổ phần cá nhân )  
 Tỉ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 0,873%  
 Tỉ lệ sở hữu của những người liên quan : Không  
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không

**d. Họ và tên** : **PHẠM BÁ CƯỜNG**

Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty  
 Chức vụ đang nắm giữ ở các : Giám đốc Chi nhánh Công ty Xây Dựng Quảng  
 tổ chức khác : Nam -TNHH Một Thành Viên; Phó Tổng giám  
 đốc Công ty Xây Dựng Quảng Nam -TNHH Một  
 Thành Viên  
 Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 12/02/1970  
 Nơi sinh : Đà Nẵng  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Phong Điền – TP Huế  
 CMND : 201019069  
 Ngày cấp : 14/12/2004  
 Nơi cấp : Công An Đà Nẵng  
 Địa chỉ thường trú : 152 Hải Phòng – TP Đà Nẵng  
 Điện thoại liên lạc : 0511. 219694 - Điện thoại DD: 0903 557 777  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng dân dụng & công nghiệp  
 Cử nhân Quản trị kinh doanh  
 Quá trình công tác :  
 Từ năm 1976 đến 1985 : Học sinh Trường PTCS Nguyễn Huệ - Đà Nẵng  
 Từ năm 1985 đến 1988 : Học sinh Trường PTH Phan Châu Trinh – Đà  
 Nẵng  
 Từ năm 1988 đến 1990 : Ở nhà  
 Từ năm 1990 đến 1995 : Học đại học Trường Đại học Bách Khoa Đà  
 Nẵng  
 Từ 10/1995 đến 03/1997 : Công tác tại Công ty Xây Lắp & VLXD số 4  
 Từ 04/1997 đến 06/1998 : Công tác tại Công ty Đầu tư & Xây dựng Đô thị  
 Quảng Nam  
 Từ 07/1998 đến 04/2000 : Phó trưởng Phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty  
 Đầu tư & Xây dựng Đô thị Quảng Nam  
 Từ 05/2000 đến 08/2001 : Trưởng Phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty Đầu  
 tư & Xây dựng Đô thị Quảng Nam  
 Từ 09/2001 đến 03/2004 : Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng Số 7 thuộc Công  
 ty Xây Dựng Quảng Nam  
 Từ 04/2004 đến nay : Giám đốc Chi nhánh Công ty Xây Dựng Quảng  
 Nam -TNHH Một Thành Viên; Phó Tổng giám  
 đốc Công ty Xây Dựng Quảng Nam -TNHH Một  
 Thành Viên; Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty  
 Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm.  
 Bằng cấp : Đại học  
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không  
 Cổ phần sở hữu : 14.175 cổ phần ( cổ phần cá nhân )  
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 0,873%  
 Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Phạm Bá Anh Tuấn (em ruột), 0,108%  
 (1.758 cổ phần)  
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không

- e. Họ và tên** : **PHAN NGỌC BẢO**
- Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty; Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty Xây Dựng Quảng Nam -TNHH Một Thành Viên
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty Xây Dựng Quảng Nam -TNHH 1 Thành Viên
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 07/06/1974
- Nơi sinh : Đống Đa – TP Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- CMND : 201191756
- Ngày cấp : 19/05/2005
- Nơi cấp : Công An Đà Nẵng
- Quê quán : Bình Dương – Thăng Bình – Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : K136/16 Hải Phòng – TP Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0511.219694 - Điện thoại DD: 0905 288 117
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :
- Từ năm 1981 đến 1989 : Học sinh Trường PTCS Nguyễn Huệ - Đà Nẵng
- Từ năm 1990 đến 1992 : Học sinh Trường PTHH Phan Châu Trinh – Đà Nẵng
- Từ năm 1992 đến 1994 : Đi nghĩa vụ quân sự tại Lữ đoàn 270 Công binh Tam Kỳ - Quảng Nam
- Từ năm 1994 đến 1996 : Công tác tại Công ty Phát triển Đô thị & Khu công nghiệp QNĐN
- Từ năm 1996 đến 2000 : Cán bộ Phòng Tổ chức hành chính Công ty đầu tư & Xây dựng Đô thị Quảng Nam; học đại học tại chức tại Viện Đại học Mở Hà Nội
- Từ năm 2001 đến 12/2002 : Phó phòng Tổng hợp Công ty Xây dựng Quảng Nam
- Từ năm 2003 đến 04/2006 : Trưởng phòng Tổ chức Công ty Xây dựng Quảng Nam – TNHH Một Thành Viên
- Từ 05/2006 đến nay : Trưởng Tổ chức hành chính Công ty Xây dựng Quảng Nam – TNHH Một Thành Viên; Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm.
- Bằng cấp : Đại học
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Cổ phần sở hữu : 11.835 cổ phần ( cổ phần cá nhân )
- Tỉ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 0,729%
- Tỉ lệ sở hữu của những người liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

**13.2 Ban giám đốc**

- a. Họ và tên** : **THÁI NGỌC QUANG**
- Chức vụ công tác hiện nay : Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/02/1961
- Nơi sinh : Đan Phượng – Hà Tây
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- CMND : 201047947
- Ngày cấp : 23/03/1987
- Nơi cấp : Công An Quảng Nam Đà Nẵng
- Quê quán : Điện Quang - Điện Bàn - Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : 28 Pasteur – Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0511 – 675155 Điện thoại DD: 0913 402 869
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :
- Từ 03/1979 đến 05/1983 : Đi bộ đội, Sư đoàn 301-Quân khu Thủ Đô, sau chuyển về Sư đoàn 390 thuộc Quân đoàn I.
- Từ 06/1984 đến 06/1986 : Học nghề lái máy tại trường Trung học kỹ thuật Vận tải 2- Tổng cục đường sắt.
- Từ 1987 đến 1990 : Công tác tại Công ty cung ứng phục vụ đường sắt Đà Nẵng.
- Từ 1990 đến 1992 : Công tác tại Công ty Hợp doanh xây lắp và kinh doanh nhà QN-ĐN
- Từ 1992 đến 1996 : Công tác tại Công ty Phát triển đô thị & Khu công nghiệp - Quảng Nam Đà Nẵng
- Từ 1997 đến 02/2004 : Công tác tại Công ty Xây Dựng Quảng Nam – TNHH Một Thành Viên; học đại học tại chức tại Viện Đại học Mở Hà Nội.
- Từ 02/2004 đến nay : Phụ trách Vật tư, Trưởng phòng Vật tư Công ty. Giám đốc Công ty Cổ Phần Bê Tông Hoà Cẩm
- Bằng cấp : Đại học
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Cổ phần sở hữu : 13.913 cổ phần ( cổ phần cá nhân )
- Tỉ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 0.857 %
- Tỉ lệ sở hữu của những người liên quan : Ngô Thị Hồng Vân (vợ): 1,178% (19.110 cổ phần)
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- b. Họ và tên** : **NGÔ VĂN LONG**
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Chu Lai
- Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 13/11/1972  
 Nơi sinh : Hà Nội  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 CMND : 201183242  
 Ngày cấp : 10/11/2005  
 Nơi cấp : Công An Đà Nẵng  
 Quê quán : Bình Dương - Thăng Bình - tỉnh Quảng Nam  
 Địa chỉ thường trú : H29/21 K30 Trần Phú – Đà Nẵng  
 Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0511. 670000 - Điện thoại DD: 0913 402 767  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Silcát  
 Quá trình công tác :  
     Từ năm 1996 đến 1997 : Cán bộ Phòng nghiên cứu xi măng tại Viện Vật  
     Liệu Xây Dựng thuộc Bộ Xây Dựng  
     Từ năm 1997 đến 1998 : Cán bộ Công ty Liên Doanh Bê Tông Đà Nẵng  
     Từ năm 1998 đến 2000 : Phó trưởng trạm tại Trạm Bê Tông Hoà Cẩm  
     thuộc Xí nghiệp Bê Tông Thương Phẩm & Đá  
     Xây Dựng  
     Từ năm 2000 đến 2001 : Trưởng trạm tại Trạm Bê Tông Hoà Cẩm thuộc  
     Xí nghiệp Bê Tông Thương Phẩm & Đá Xây  
     Dựng  
     Từ năm 2001 đến nay : Phó giám đốc Công ty Cổ Phần Bê Tông Hoà  
     Cẩm  
 Bằng cấp : Đại học  
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không  
 Cổ phần sở hữu : 1.222 cổ phần ( cổ phần cá nhân )  
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 0,753%  
 Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Không  
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không

**c. Họ và tên : PHẠM VĂN TOẢN**  
 Chức vụ công tác hiện nay : Phó Giám đốc Công ty  
 Chức vụ đang nắm giữ ở các : Không  
 tổ chức khác  
 Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 10/07/1974  
 Nơi sinh : Đà Nẵng  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 CMND : 201131388  
 Ngày cấp : 14/05/2003  
 Nơi cấp : Công An Đà Nẵng  
 Quê quán : Tổ 17 – P. Hoà Xuân – TP. Đà Nẵng  
 Địa chỉ thường trú : Tổ 17 – P. Hoà Xuân – TP. Đà Nẵng  
 Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0511.670000 - Điện thoại DD : 0913 404 202

Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện  
 Quá trình công tác :  
     Từ 10/1997 đến 04/200 : Cán bộ vận hành trạm trộn bê tông tại Xí nghiệp Bê Tông Thương Phẩm & Đá Xây Dựng thuộc Công ty Xây Dựng Quảng Nam  
     Từ 05/2000 đến 12/2001 : Phó trưởng trạm trộn bê tông tại Xí nghiệp Bê Tông Thương Phẩm & Đá Xây Dựng thuộc Công ty Xây Dựng Quảng Nam  
     Từ 01/2002 đến 10/2002 : Phó giám đốc Xí nghiệp Bê Tông Thương Phẩm & Đá Xây Dựng thuộc Công ty Xây Dựng Quảng Nam  
     Từ 11/2002 đến 09/2003 : Giám đốc tại Xí nghiệp Bê Tông Thương Phẩm Hoà Cẩm thuộc Công ty CP Bê Tông Hoà Cẩm  
     Từ 10/2003 đến nay : Phó giám đốc; Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Bê Tông Hoà Cẩm.  
 Bằng cấp : Đại học  
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không  
 Cổ phần sở hữu : 12.355 cổ phần ( cổ phần cá nhân )  
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 0,761%  
 Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Không  
 Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không

**d. Họ và tên : NGUYỄN THỊ NGỌC ANH**

Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng Công ty  
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không  
 Giới tính : Nữ  
 Ngày tháng năm sinh : 15/09/1977  
 Nơi sinh : Đà Nẵng  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 CMND : 201390015  
 Ngày cấp : 30/11/1995  
 Nơi cấp : Công An Quảng Nam Đà Nẵng  
 Quê quán : Ứng Hoà – Hà Tây  
 Địa chỉ thường trú : 19/29 Quang Trung – Đà Nẵng  
 Điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0511- 675155  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
 Quá trình công tác :  
     Từ 04/2000 đến 12/2002 : Phụ trách kế toán tại Xí nghiệp Xây Dựng Cơ Sở Hạ Tầng thuộc Công ty Đầu tư & Xây dựng Đô thị Quảng Nam  
     Từ 01/2003 đến 04/2006 : Kế toán tổng hợp tại Xí nghiệp Xây Dựng Số 01 thuộc Công ty Xây Dựng Quảng Nam – TNHH 1 Thành Viên

Từ 05/2006 đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ Phần Bê Tông Hoà Cẩm.  
 Bằng cấp : Đại học  
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không  
 Cổ phần sở hữu : 6.768 cổ phần ( cổ phần cá nhân )  
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 0,417%  
 Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Không  
 Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không

### 13.3 Ban kiểm soát

**a. Họ và tên** : **NGUYỄN ĐÌNH**  
 Chức vụ : Trưởng Ban kiểm soát Công ty  
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Giám đốc Công ty Cổ phần Chu Lai  
 Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 02/05/1955  
 Nơi sinh : Duy An – Duy Xuyên - Quảng Nam  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 CMND : 201018100  
 Ngày cấp : 28/03/1998  
 Nơi cấp : Công An Đà Nẵng  
 Quê quán : Duy An – Duy Xuyên - Quảng Nam  
 Địa chỉ thường trú : 01 Lê Thánh Tôn – Đà Nẵng  
 Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0511.877778 Điện thoại DD : 0913 403 390  
 Trình độ văn hoá : 10/10  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế  
 Quá trình công tác :  
 Từ 12/1975 đến 12/1979 : Học đại học Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội  
 Từ 01/1980 đến 05/1985 : Công tác tại Cục thuế CNT Bộ Tài Chính – Hà Nội  
 Từ 06/1985 đến 07/1989 : Công tác tại Chi cục Thuế QNĐN  
 Từ 08/1989 đến 01/1994 : Công tác tại Công ty Cung ứng tàu biển QNĐN  
 Từ năm 1994 đến 1997 : Công tác tại Công ty Phát triển Đô thị & Khu công nghiệp QNĐN  
 Từ năm 1997 đến 2002 : Công tác tại Công ty Xây Dựng Quảng Nam  
 Từ năm 2002 đến 2003 : Công tác tại Công ty Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm  
 Từ năm 2003 đến 05/2006 : Công tác tại Công ty Xây Dựng Quảng Nam – TNHH Một Thành Viên  
 Từ 06/2006 đến 05/2007 : Giám đốc Công ty Cổ phần Chu Lai  
 Bằng cấp : Đại học  
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không  
 Cổ phần sở hữu : 18.060 cổ phần ( cổ phần cá nhân )  
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 1,113%



Tỉ lệ sở hữu của những người liên quan : Không

Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không

**b. Họ và tên** : **LÊ KHẮC DƯƠNG**  
 Chức vụ : Thành viên Ban kiểm soát Công ty  
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chuyên viên kế toán tại Cty Xăng Dầu KV5  
 Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 06/03/1966  
 Nơi sinh : Thanh Hà - Hải Dương  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 CMND : KD167569  
 Ngày cấp : 04/10/1999  
 Nơi cấp : Quân Khu 5  
 Quê quán : Thanh Hà - Hải Dương  
 Địa chỉ thường trú : Tổ 29 Hoà Thuận Tây – TP Đà Nẵng  
 Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0511.620216 Điện thoại DD : 0903 530567  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế  
 Quá trình công tác :  
 Từ 02/1985 đến 12/1990 : Đi bộ đội; học lớp Tài vụ; làm kế toán tại Ban tài chính E575, Quân khu 5  
 Từ 01/1991 đến 05/2001 : Công tác tại Ban tài chính Bệnh viện C17 Cục hậu cần QK5; học đại học Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng (từ 1996-2000)  
 Từ 06/2001 đến 06/2002 : Kế toán tại Tổng Công ty Xây Dựng CTGT5  
 Từ 07/2002 đến 03/2006 : Cửa hàng trưởng tại Công ty Gas Petrolimex Đà Nẵng  
 Từ 04/2006 đến 04/2007 : Công tác tại Phòng Kế toán –Tài Chính Công ty Xăng Dầu Khu Vực 5  
 Từ 05/2007 đến nay : Công tác tại Phòng Kế toán –Tài Chính Công ty Xăng Dầu Khu Vực 5; thành viên Ban kiểm soát Công ty  
 Bằng cấp : Đại học  
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không  
 Cổ phần sở hữu : 16.198 cổ phần ( cổ phần cá nhân )  
 Tỉ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 0,998%  
 Tỉ lệ sở hữu của những người liên quan : Không  
 Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không

**c. Họ và tên** : **CHẾ BÔNG BAN**  
 Chức vụ : Thành viên Ban kiểm soát Công ty  
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây Dựng Số 01 thuộc Công ty Xây Dựng Quảng Nam –TNHH Một Thành Viên  
 Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 02/05/1970  
 Nơi sinh : Hoà Phong – Hoà Vang – Đà Nẵng  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 CMND : 200932049  
 Ngày cấp : 07/01/2002  
 Nơi cấp : Công An Đà Nẵng  
 Quê quán : Hoà Phong – Hoà Vang – Đà Nẵng  
 Địa chỉ thường trú : Tổ 47 Tân Chính – Đà Nẵng  
 Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0511.219309 Điện thoại DD : 0914 034110  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng Thuỷ lợi thuỷ điện  
 Quá trình công tác :  
 Từ 08/1994 đến 11/1996 : Cán bộ kỹ thuật Công ty Phát triển Đô thị & Khu Công Nghiệp Quảng Nam Đà Nẵng  
 Từ 12/1996 đến 03/2004 : Cán bộ kỹ thuật Công ty Đầu tư & Xây Dựng Đô thị Quảng Nam  
 Từ 04/2004 đến 05/2006 : Phó giám đốc Xí nghiệp Xây Dựng Số 01 thuộc Công ty Xây Dựng Quảng Nam – TNHH Một Thành Viên  
 Từ 06/2006 đến nay : Phó giám đốc Xí nghiệp Xây Dựng Số 01 thuộc Công ty Xây Dựng Quảng Nam – TNHH Một Thành Viên; thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm  
 Bằng cấp : Đại học  
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không  
 Cổ phần sở hữu : 6.563 cổ phần ( cổ phần cá nhân )  
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 0,404%  
 Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Không  
 Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không

#### 14. Tài sản

##### 14.1. Tài sản cố định hữu hình của Công ty cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm tại thời điểm 30/06/2007

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu                   | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng      |
|----------------------------|------------------------|---------------------|---------------------|---------------------------|----------------|
| <b>I. Nguyên giá</b>       |                        |                     |                     |                           |                |
| 1. Số đầu kỳ               | 6.090.201.693          | 8.307.392.976       | 17.513.285.069      | 265.440.266               | 32.176.320.004 |
| 2. Tăng trong kỳ           | 170.396.629            |                     | 655.648.831         | 12.454.545                | 838.500.005    |
| 3. Giảm trong kỳ           |                        |                     |                     |                           |                |
| 4. Số cuối kỳ              | 6.260.598.322          | 8.307.392.976       | 18.168.933.900      | 277.894.811               | 33.014.820.009 |
| <b>II. Giá trị hao mòn</b> |                        |                     |                     |                           |                |
| 1. Số đầu kỳ               | 2.178.604.625          | 6.741.012.797       | 11.284.309.033      | 176.377.947               | 20.380.304.402 |

| Chỉ tiêu                    | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng      |
|-----------------------------|------------------------|---------------------|---------------------|---------------------------|----------------|
| 2. Tăng trong kỳ            | 392.651.552            | 203.709.879         | 536.583.014         | 17.405.520                | 1.150.349.965  |
| 3. Giảm trong kỳ            |                        |                     |                     |                           |                |
| 4. Số cuối kỳ               | 2.571.256.177          | 6.944.722.676       | 11.820.892.047      | 193.783.467               | 21.530.654.367 |
| <b>III. Giá trị còn lại</b> |                        |                     |                     |                           |                |
| 1. Số đầu kỳ                | 3.911.597.068          | 1.566.380.179       | 6.228.976.036       | 89.062.319                | 11.796.015.602 |
| 2. Số cuối kỳ               | 3.689.342.145          | 1.362.670.300       | 6.348.041.853       | 84.111.344                | 11.484.165.642 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính 30/06/2007 đã được Công ty AAC kiểm toán)

#### 14.2. Tài sản cố định vô hình của Công ty cổ phần Bê Tông Hoà Cẩm tại thời điểm 30/06/2007

| Chỉ tiêu                    | Phần mềm máy tính | Tổng cộng  |
|-----------------------------|-------------------|------------|
| <b>I. Nguyên giá</b>        |                   |            |
| 1. Số đầu kỳ                | 34.000.000        | 34.000.000 |
| 2. Tăng trong kỳ            |                   |            |
| 3. Giảm trong kỳ            |                   |            |
| 4. Số cuối kỳ               | 34.000.000        | 34.000.000 |
| <b>II. Giá trị hao mòn</b>  |                   |            |
| 1. Số đầu kỳ                | 14.033.343        | 14.033.343 |
| 2. Tăng trong kỳ            | 5.666.670         | 5.666.670  |
| 3. Giảm trong kỳ            |                   |            |
| 4. Số cuối kỳ               | 19.700.013        | 19.700.013 |
| <b>III. Giá trị còn lại</b> |                   |            |
| 1. Số đầu kỳ                | 19.966.657        | 19.966.657 |
| 2. Số cuối kỳ               | 14.299.987        | 14.299.987 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính 30/06/2007 đã được Công ty AAC kiểm toán)

#### 15. Chỉ tiêu, Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức (2007 - 2009)

Dựa trên những dự báo chung về tốc độ phát triển của nền kinh tế, triển vọng và định hướng của ngành Xây dựng trong những năm tới, đặc biệt là thị trường khu vực cùng năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty, công ty đã xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và mức chi trả cổ tức cho giai đoạn 2007 – 2009 như sau:

| Chỉ tiêu | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 |
|----------|----------|----------|----------|
|----------|----------|----------|----------|

|  | Triệu đồng | % tăng giảm so với năm 2006 | Triệu đồng | % tăng giảm so với năm 2007 | Triệu đồng | % tăng giảm so với năm 2008 |
|--|------------|-----------------------------|------------|-----------------------------|------------|-----------------------------|
| Vốn điều lệ                              | 16.228     | 11,99%                      | 18.000     | 10,92%                      | 20.000     | 11,11%                      |
| Tổng Doanh thu                           | 59.000     | 1,77%                       | 65.000     | 10,17%                      | 73.000     | 12,30%                      |
| Lợi nhuận sau thuế                       | 4.600      | -6,12%                      | 5.100      | 10,87%                      | 5.800      | 13,72%                      |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu  | 7,8%       | -8,13%                      | 7,84%      | 0,51%                       | 7,95%      | 1,40%                       |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu | 16,73%     | -13,14%                     | 17,42%     | 4,12%                       | 18,55%     | 6,49%                       |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức %                   | 16%        |                             | 16,5%      |                             | 17%        |                             |

### 15.1. Các căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

- Trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, trong những năm qua, Công ty luôn đạt được kết quả ổn định về lợi nhuận và cổ tức (lợi nhuận năm 2005: 4,233 tỷ đồng, năm 2006: 4,922 tỷ đồng; cổ tức năm 2005: 20,4%, năm 2006: 20%). Cùng với tiềm lực sẵn có của Công ty: Thiết bị công nghệ hiện đại, đồng bộ, mặt bằng sản xuất kinh doanh thuận lợi, ổn định lâu dài, thương hiệu chất lượng sản phẩm bê tông được khách hàng tin nhiệm, năng lực tài chính mạnh, nhu cầu của thị trường về sản phẩm bê tông thương phẩm lớn... Khả năng để thực hiện đạt các chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức của các năm từ (2007-2009) là triển vọng. Các hợp đồng công ty đã ký kết, đang thực hiện :

| Tên công ty                                   | Giá trị thực hiện (triệu đồng) | Thời gian thực hiện Hợp đồng | Công trình           |
|---|--------------------------------|------------------------------|----------------------|
| <b>I. BÊ TÔNG</b>                             |                                |                              |                      |
| <b>Các khách hàng đang thực hiện Hợp đồng</b> |                                |                              |                      |
| 1. Công ty Cổ phần Xây Dựng Cotec-Coteccons   | 8.000                          | 12/2006-12/2007              | K/sạn Indochina      |
| Công ty Cổ phần Xây Dựng Cotec-Coteccons      | 2.840                          | 02/2007-12/2007              | K/sạn Hoàng Trà      |
| 2. Cty Xây Dựng Giao Thông Quảng Nam          | 3.219                          | 11/2005-12/2007              | Cầu Tam Thăng        |
| 3. Công ty Đầu tư Xây Dựng C.T                | 2.853                          | 03/2007-12/2007              | Văn phòng Công ty    |
| Công ty Đầu tư Xây Dựng C.T                   | 2.600                          | 03/2007-12/2007              | Nhà máy điện tử CCI  |
| 4. Tổng Cty XD Nông Nghiệp & P.T Nông Thôn    | 1.600                          | 05/2007-12/2007              | Cầu Cảng Vùng 3 Cảnh |

|  |        |                 |   |
|--|--------|-----------------|---|
| – Công ty Xây Dựng & Phát Triển Hạ Tầng                              |        |                 | Sát Biển                                      |
| 5. Công ty Xây Dựng & Phát Triển Hạ Tầng ĐN                          | 1.058  | 12/2006-12/2007 | Trường Lê Quý Đôn                             |
| 6. Công ty Cổ phần Xây dựng Vneco 11                                 | 1.329  | 07/2006-12/2007 | K/ sạn Green Plaza                            |
| 7. Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây Dựng Toàn Thịnh Phát              | 1.140  | 04/2007-12/2007 | Ngân hàng Sacombank                           |
| 8. CN Constrexim Miền Trung  | 1.070  | 01/2006-09/2007 | Nhà báo Nhân Dân                              |
| 9. Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Số 72                                | 1.170  | 03/2007-09/2007 | Bến cảng số 1 D.Quất                          |
| 10. Công ty TNHH Kính Phước Toàn                                     | 1.125  | 07/2007-12/2007 | Nhà máy Phước Toàn                            |
| 11. Công ty Xây Dựng 79  | 790    | 01/2007-12/2007 | Phòng KCB Phụ nữ nghèo                        |
| 12. Cty CP Phát triển Đô Thị & KCN – QNĐN                            | 780    | 08/2007-12/2007 | TT Du Lịch Điện Ngọc                          |
| 13. Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hội An                           | 730    | 03/2007-12/2007 | Ngân hàng NN&PTNT - quận Hải Châu             |
| 14. Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Bách Khoa – Trung tâm Tư Vấn Xây Dựng | 720    | 04/2007-12/2007 | Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quốc               |
| 15. Công ty Cổ phần Quảng Đông                                       | 700    | 04/2007-12/2007 | V.P Công ty Q.Đông                            |
| 16. Công ty Cổ Phần Đăng Hải   | 680    | 04/2007-12/2007 | Tr. Tin học Việt Hàn                          |
| <b>II. XÂY LẬP</b>   |        |                 |   |
| <b>Các khách hàng đang thực hiện Hợp đồng</b>                        |        |                 |   |
| 1. Ban quản lý Kinh tế mở Chu Lai                                    | 42.531 | 11/2004-03/2008 | Đường Nguyễn Văn Trỗi nối dài – KCN tam Thăng |
| 2. Ban quản lý Kinh tế mở Chu Lai                                    | 9.234  | 01/2004-12/2007 | Khu CN Tam Hiệp<br>tuyên: Trục Bắc Nam        |
| 3. Công ty TNHH Thiên Đàng   | 2.124  | 05/2007-06/2008 | Khu du lịch sinh thái 4 mùa                   |

- Bên cạnh đó, Công ty sẽ tăng cường công tác quản lý trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm và cung cách phục vụ, tăng cường công tác tiếp thị, giới thiệu sản phẩm của Công ty đến tận người tiêu dùng.

- Không ngừng đổi mới công nghệ trong quá trình sản xuất, có phương án đầu tư hợp lý về máy móc thiết bị (máy bơm bê tông, xe vận chuyển bê tông, xe vận chuyển vật liệu ...) để mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng sản lượng hàng hóa, tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm, tạo thuận lợi cạnh tranh trên thị trường.

- Kế hoạch về cô tức được đề ra cho các năm từ (2007-2009) có thấp hơn so với kết quả đạt được của các năm 2004, 2005, 2006, lý do: Dự kiến Công ty sẽ giữ lại một phần lợi nhuận sau thuế để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm thực hiện chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.

### **15.2. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua:**

Nhu cầu bê tông thương phẩm và các sản phẩm từ cấu kiện bê tông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian sắp đến vô cùng lớn. Nhiều dự án lớn trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng cơ bản được cấp phép cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước thực hiện, nhất là Khu Kinh tế mở Chu Lai, Khu

Kinh tế Dung Quất, thành phố Đà Nẵng; nhiều nhà đầu tư tập trung xây dựng các cao ốc, khách sạn, chung cư cao tầng. Để tiếp cận và đáp ứng nhu cầu cung cấp bê tông cho các khu vực và các công trình này cần phải có năng lực thiết bị đủ mạnh, tương ứng. Vì vậy, để đảm bảo cho khả năng cạnh tranh, đồng thời phục vụ nhu cầu của khách hàng trong thời gian đến, sự cần thiết đầu tư năng lực thiết bị cũng là điều đáng quan tâm.

Trên cơ sở phân tích thị trường, hiệu quả đầu tư, năng lực đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng sản lượng hàng hóa, tăng năng suất lao động nhằm đem lại lợi nhuận và cổ tức tốt nhất, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ V, ngày 14/4/2007 nhất trí thông qua việc đầu tư mua sắm máy móc thiết bị trong giai đoạn từ năm (2007-2010) như sau:

**- Dự án đầu tư thiết bị bơm bê tông có công suất lớn đảm bảo phục vụ các công trình cao tầng (>15tầng) loại cố định hoặc tự hành:**

Mặc dù hiện nay thiết bị bơm bê tông của Công ty thuộc loại hiện đại nhất khu vực, nhưng chỉ mới đáp ứng được phần nào độ cao của công trình, khoảng 15 tầng trở xuống, tương đương với độ cao khoảng 50m. Với các công trình có độ cao lớn hơn, nếu Công ty không có thiết bị đáp ứng, sẽ dễ dẫn đến tình trạng mất dần thị trường và khách hàng. Để tăng cường năng lực cạnh tranh trong dịch vụ cung cấp bê tông cho các công trình lớn, các cao ốc, nhà cao tầng hiện nay, cần sớm đầu tư mua máy bơm bê tông có công suất lớn, bơm được bê tông cho các nhà cao từ 15 tầng trở lên. Về lâu dài, cần phải đầu tư thêm loại máy bơm bê tông cao tầng, loại tự hành hoặc cố định, có thể sử dụng ở 2 chế độ áp lực khác nhau, công suất trên 100m<sup>3</sup>/giờ. Trong quý 2/2007, Công ty đã xúc tiến triển khai đấu thầu công khai về việc lựa chọn mua máy bơm bê tông cao tầng. Ngày 31/07/2007, Công ty đã ký kết được Hợp đồng mua 01 máy bơm bê tông và phụ kiện kèm theo, mới 100%, lắp ráp năm 2007, theo tiêu chuẩn của CHLB Đức, giá trị 107.514 EUR, với Công ty Putzmeister AG.

**- Dự án đầu tư mua 01 silô chứa xi măng rời (120 tấn):**

Hiện nay, tại trạm bê tông Hòa Cẩm có 3 silô xi măng, thể tích chứa trên 100 tấn (2 cái x 45 tấn và 1 cái khoảng 20 tấn), so với nhu cầu thị trường bê tông, thì công suất của silô chưa đáp ứng kịp thời cho hệ thống trộn bê tông cung cấp cho khách hàng. Bên cạnh việc nâng cấp, sửa chữa các silô hiện có cho phù hợp, cần phải đầu tư thêm 01 silô chứa xi măng rời, cỡ 120 tấn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu sản xuất bê tông cung cấp cho khách hàng.

**- Dự án đầu tư nhà kho chứa xi măng có hệ thống cầu trục để sử dụng xi măng bao lớn loại 1,2 đến 1,5 tấn/bao:**

Kho chứa Xi măng hiện nay của Công ty tối đa không quá 300 tấn, chưa đáp ứng kịp thời quá trình sản xuất bê tông cung cấp cho khách hàng trong những lúc cao điểm và nhu cầu dự trữ cần thiết. Vì vậy, đầu tư thêm một nhà kho chứa xi măng hệ thống cầu trục để sử dụng xi măng bao lớn loại 1,2 đến 1,5 tấn/bao là cần thiết để giải quyết được vấn đề thiếu vật tư trong quá trình sản xuất, đáp ứng được nhu cầu dự trữ cần thiết, đồng thời giảm được giá mua vào, chi phí bốc xếp giảm, góp phần giảm giá thành sản phẩm.

**- Dự án đầu tư mua xe xúc lật chuyển cốt liệu lên cân:**

Xe xúc lật hiện nay có 3 chiếc, phục vụ chuyển cốt liệu cho 3 trạm sản xuất bê tông của Công ty, trong đó có duy nhất 1 chiếc có công suất mạnh đáp ứng được việc chuyển cốt liệu cho trạm bê tông Hòa Cẩm, do thiết kế bàn cân cao, dốc và dài, các xe còn lại có

công suất nhỏ, cũ hay hư hỏng. Để bảo đảm độ ổn định cao trong sản xuất, cần đầu tư mua thêm một xe xúc lật chuyên cốt liệu có công suất lớn.

**- Dự án đầu tư mua xe vận chuyển bê tông:**

Để không ngừng mở rộng sản xuất kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu cùng một lúc cung cấp bê tông cho nhiều khách hàng, từ nay đến năm 2010 đầu tư mua thêm 5 xe vận chuyển bê tông cho trạm bê tông Hòa Cẩm, nâng tổng số xe vận chuyển bê tông ít nhất phải được 20 chiếc.

**- Dự án đầu tư nâng cao năng suất hoạt động Nhà máy bê tông Chu Lai:**

Dự kiến từ nay đến năm 2010 đầu tư mua thêm: 4-5 xe vận chuyển bê tông; 1 xe bơm bê tông.

Củng cố và tăng cường năng lực quản lý, tăng cường công tác tiếp thị, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả của Nhà máy bê tông Chu Lai.

**- Dự án nghiên cứu và đầu tư các sản phẩm phụ sau bê tông:**

Cần nghiên cứu đầu tư sản xuất cấu kiện bê tông ly tâm trong công tác móng cọc và cấp thoát nước, nhằm đa dạng hóa ngành nghề sản xuất kinh doanh, đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

**\* Nguồn vốn đầu tư cho các dự án trên trong giai đoạn từ năm (2007-2010):**

- Nguồn vốn đầu tư bằng phát hành thêm cổ phiếu.
- Nguồn quỹ đầu tư phát triển được trích lại từ lợi nhuận.
- Nguồn vay dài hạn tại các ngân hàng.

**16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với góc độ của một tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng đã dựa trên những thông tin do Công ty cổ phần Bê Tông Hòa Cẩm cung cấp, đồng thời thu thập những thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết, sau đó tiến hành nghiên cứu, phân tích và đánh giá các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo kết quả của việc đánh giá phân tích nói trên, cho thấy, trong 3 năm qua, Công ty đã đạt được các kế hoạch kinh doanh của mình, với kết quả đáng khích lệ: Doanh số, lợi nhuận luôn tăng trưởng, kế hoạch chi trả cổ tức cũng đảm bảo ở mức khá; ngoài ra, mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên cũng tăng trưởng cùng kết quả kinh doanh trên.

Như đã trình bày, khi nghiên cứu về triển vọng phát triển của Ngành, chúng tôi nhận thấy, sự thuận lợi của tăng trưởng chung trong Ngành là điều rất có ý nghĩa đối với kế hoạch kinh doanh của Công ty trong thời gian đến.

Xét về vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác, đặc biệt là tại địa bàn hoạt động, chúng tôi càng tin tưởng, bởi không chỉ nhờ vào uy tín Công ty đã tạo dựng được trong thời gian qua, mà còn nhờ vào cung cách hoạt động và ứng xử với khách hàng, sự ứng dụng và duy trì hệ thống Quản lý chất lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Một điều không kém quan trọng mà chúng tôi cũng muốn nhắc đến là chính sách đối với người lao động, bởi Công ty luôn coi trọng nguồn nhân lực và xem đây là một trong những yếu tố quan trọng, quyết định thành quả của quá trình sản xuất – kinh doanh của mình.

Đánh giá những gì đã thực hiện được, trên cơ sở đó, xét một kế hoạch đang được triển khai và từng bước thực hiện có hiệu quả, chúng tôi cho rằng, cả về yếu tố nội tại, lẫn khách quan, kế hoạch kinh doanh và chi trả cổ tức trong ba năm: 2007, 2008, 2009 của Công ty là khả thi. Nhìn nhận vấn đề này, chúng tôi đã xem xét thị trường khu vực, thị phần mà Công ty có thể chiếm lĩnh, sự ổn định và đảm bảo của nguồn nguyên liệu đầu vào, uy tín và khả năng tận dụng các cơ hội phát triển, cả định hướng đầu tư và triển vọng của nó, trước khi chúng tôi kết luận.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn (DNSC), dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những nhận xét này chỉ mang tính tham khảo đối với các nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

## V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá : 10.000 đồng
3. Tổng số chứng khoán niêm yết : 1.622.802 cổ phần

Theo cam kết nắm giữ của các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Kế toán trưởng là 100% số cổ phần do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng, kể từ ngày niêm yết, là 164.715 cổ phần và 50% số cổ phần này trong thời gian 6 tháng tiếp theo. Trong đó:

- Hội đồng quản trị: 78.638 cổ phần
- Ban giám đốc: 38.488 cổ phần
- Ban kiểm soát: 40.821 cổ phần
- Kế toán trưởng: 6.768 cổ phần

### 4. Phương pháp tính giá

**Giá trị sổ sách một cổ phần tại ngày 31/12/2006 (mệnh giá 10.000 đồng)**

Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2006 là: 15.512.000.000 đồng, trong đó, cổ phiếu quỹ là: 119.850 cổ phần.



$$\text{Giá trị sổ sách cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{(\text{Tổng số cổ phần} - \text{cổ phiếu quỹ})} = \frac{25.583.821.963}{(1.551.200 - 119.850)} = 17.873,91 \text{ đồng/CP}$$

### **Giá trị sổ sách một cổ phần tại ngày 30/06/2007 (mệnh giá 10.000 đồng)**

Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/06/2007 là: 16.228.020.000 đồng

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{(\text{Tổng số cổ phần} - \text{cổ phiếu quỹ})} = \frac{27.890.995.969}{1.622.802} = 17.186,94 \text{ đồng/CP}$$

## **5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài ở ngoài Việt Nam**

Theo quy định tại Thông tư số 90/2005/TT-BTC ngày 17/10/2005 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng chính phủ quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng. Trong trường hợp, cổ đông nước ngoài đã nắm giữ vượt tỷ lệ 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng trước khi cổ phiếu được đăng ký giao dịch thì phải thực hiện bán cổ phiếu để đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của bên nước ngoài tối đa là 49%. Hiện tại Công ty không có cổ đông nước ngoài nắm giữ cổ phiếu.

## **6. Các loại thuế có liên quan**

### **6.1 Thuế Giá trị gia tăng:**

- ◆ Hoạt động bán bê tông thương phẩm: áp dụng mức thuế suất 5%.
- ◆ Đối với hoạt động xây lắp áp dụng mức thuế suất 10% (riêng đối với những công trình đang xây dựng dở dang từ năm 2003 chuyển sang thì áp dụng thuế suất 5%).

## 6.2 Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

### 6.2.1. Đối với hoạt động sản xuất tại Trạm bê tông Chu Lai:

- Áp dụng mức thuế suất 10% trên lợi nhuận thu được.
- Miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời gian 9 năm tiếp theo (Nhu vậy, với dự án này Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2003 nên được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp từ năm 2003 đến năm 2006 và giảm 50% từ năm 2007 đến năm 2015).
- Sau khi hết thời hạn miễn giảm trên, được miễn thuế TNDN trong thời gian 7 năm tiếp theo.

Ưu đãi trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 29/CN-UB ngày 08/09/2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam.

### 6.2.2. Đối với hoạt động sản xuất tại Trạm bê tông Hòa Cẩm:

- Áp dụng mức thuế suất 20% trên lợi nhuận thu được.
- Miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời gian 4 năm tiếp theo (Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng tại Trạm bê tông Hòa Cẩm từ năm 2002 nên được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp từ năm 2002 đến năm 2003 và giảm 50% từ năm 2004 đến năm 2007).

Ưu đãi trên đây được quy định tại Thông báo số 33/TB/CT-NQD ngày 02 tháng 08 năm 2002 và Công văn Trả lời chính sách Thuế số 27 CV/CT-NQD ngày 21 tháng 01 năm 2003 của Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

### 6.2.3 Đối với hoạt động xây lắp và các hoạt động khác

- Áp dụng mức thuế suất 28%.

Những ưu đãi về thuế suất trên đây đã được điều chỉnh theo Công văn số 11684/BTC – TCT của Bộ Tài chính ngày 16/09/2005 hướng dẫn về thuế Thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 2358 ngày 14/06/2006 của Cục thuế Tỉnh Quảng Nam đối với các trường hợp đã được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi trước ngày 01/01/2004 cụ thể như sau:

- Thuế suất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư là 25% từ ngày 01/01/2004 chuyển sang áp dụng thuế suất 20% cho đến hết thời hạn ưu đãi còn lại;
- Thuế suất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư là 20% từ ngày 01/01/2004 chuyển sang áp dụng thuế suất 15% cho đến hết thời hạn ưu đãi còn lại;
- Thuế suất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư là 15% từ ngày 01/01/2004 chuyển sang áp dụng thuế suất 10% cho đến hết thời hạn ưu đãi còn lại;

Các loại thuế khác nộp theo quy định hiện hành.

## **VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ**

### **1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

#### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN - ACC**

Địa chỉ : 217 Nguyễn Văn Linh - Tp. Đà Nẵng

Điện thoại : (0511) 655886

Fax : (0511) 655887

Email : [acc@dng.vnn.vn](mailto:acc@dng.vnn.vn)

### **2. TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ : 102 Nguyễn Thị Minh Khai – TP Đà Nẵng

Điện thoại : 0511-888456

Fax : 0511-888459

Website : [www.dnsc.com.vn](http://www.dnsc.com.vn)

## **VII. PHỤ LỤC**

- 1. Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- 2. Phụ lục II** : Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết.
- 3. Phụ lục III** : Báo cáo kiểm toán các năm:
- 4. Phụ lục IV** : Các báo cáo tài chính
- 5. Các phụ lục khác.**



**CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, P.GIÁM ĐỐC,  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**HỒ MINH ĐỨC**

**Phó giám đốc**

**Giám đốc**

**NGÔ VĂN LONG**

**THÁI NGỌC QUANG**

**Trưởng Ban Kiểm soát**

**Kế toán trưởng**

**NGUYỄN ĐÌNH**

**NGUYỄN THỊ NGỌC ANH**